

SỞ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁT HẠCH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Số: /QĐ-SXD

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI SÁT HẠCH

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-SXD ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc thành lập Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 4832/HĐT-SXD ngày 10/6/2026 của Sở Xây dựng về việc tổ chức Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản trên địa bàn địa bàn tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-HĐT ngày 09/7/2026 của Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-SXD(HĐ) ngày 14/7/2026 của Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc duyệt danh sách thí sinh dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026;

Căn cứ kết quả chấm thi của Ban chấm thi thuộc Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản tại tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026 như sau:

1. Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 1.202 thí sinh. Trong đó:

- Số thí sinh không tham dự thi: 47 thí sinh.
- Số thí sinh tham gia dự thi: 1.155 thí sinh.
- 2. Số thí sinh đạt yêu cầu: 1.057 thí sinh.
- 3. Số thí sinh có kết quả thi không đạt: 98 thí sinh.

(Có Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng Phòng Quản lý nhà và hạ tầng kỹ thuật, các thành viên Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đợt 1, năm 2026 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
 - Giám đốc Sở (Báo cáo);
 - Văn phòng Sở (đăng tải Website của Sở);
 - Lưu VT, QLN&HTKT.
- Nga.nt.*

**TM. HỘI ĐỒNG THI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ
Bùi Quang Hưng**

PHỤ LỤC KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH KIẾN THỨC MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN TỈNH THÁI NGUYÊN ĐỢT 1, NĂM 2026
(Đính kèm theo Quyết định số ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng thi)

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
I. DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ TỪ 70 ĐIỂM TRỞ LÊN (1.057 người)									
1	1	Kiều Thị Thúy An	26/06/1993	99	Đạt	98	Đạt	Đạt	
2	2	Cao Trọng Ân	16/04/1994	94	Đạt	94	Đạt	Đạt	
3	3	Hoàng Ngọc Anh	05/07/1979	97	Đạt	99	Đạt	Đạt	
4	4	Nguyễn Thị Lan Anh	13/11/1987	83	Đạt	97	Đạt	Đạt	
5	5	Dương Quang Anh	10/09/1976	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
6	9	Nguyễn Tuấn Anh	08/06/1989	95	Đạt	98	Đạt	Đạt	
7	10	Nguyễn Việt Anh	22/05/1978	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
8	11	Lê Vũ Anh	26/07/1987	82	Đạt	92	Đạt	Đạt	
9	12	Trần Tuấn Anh	14/11/1993	83	Đạt	89	Đạt	Đạt	
10	13	Nguyễn Tuấn Anh	20/10/1999	89	Đạt	100	Đạt	Đạt	
11	14	Nguyễn Trường Anh	15/11/2002	78	Đạt	75	Đạt	Đạt	
12	15	Nguyễn Quang Anh	13/12/1992	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
13	17	Phạm Thị Tuyết Anh	10/09/1991	85	Đạt	99	Đạt	Đạt	
14	18	Phạm Thị Vân Anh	22/12/1983	90	Đạt	93	Đạt	Đạt	
15	19	Nguyễn Thị Lan Anh	02/10/2001	97	Đạt	99	Đạt	Đạt	
16	20	Dương Tuấn Anh	29/01/1991	90	Đạt	98	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
17	21	Vũ Hà Kiên Anh	13/07/1999	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	
18	22	Trần Thị Lan Anh	20/12/1980	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
19	23	Vũ Quỳnh Anh	07/04/1993	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	
20	24	Trần Thị Quỳnh Anh	20/05/1996	89	Đạt	97	Đạt	Đạt	
21	27	Chu Thị Ngọc Anh	16/09/1999	94	Đạt	99	Đạt	Đạt	
22	28	Phạm Việt Anh	09/07/1984	87	Đạt	97	Đạt	Đạt	
23	29	Nguyễn Thị Vân Anh	25/12/1979	99	Đạt	96	Đạt	Đạt	
24	30	Nguyễn Thị Kiều Anh	11/03/1995	95	Đạt	97	Đạt	Đạt	
25	31	Dương Ngọc Anh	16/06/1996	95	Đạt	96	Đạt	Đạt	
26	32	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	15/02/1993	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
27	33	Lương Phương Anh	03/11/2000	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
28	34	Lê Kiều Anh	09/09/1999	84	Đạt	92	Đạt	Đạt	
29	35	Trần Thị Kim Anh	29/10/1994	85	Đạt	84	Đạt	Đạt	
30	36	Đỗ Tuấn Anh	17/06/1992	86	Đạt	96	Đạt	Đạt	
31	37	Đoàn Thị Kim Anh	22/04/1977	85	Đạt	85	Đạt	Đạt	
32	38	Trần Thị Vân Anh	22/12/1993	85	Đạt	97	Đạt	Đạt	
33	39	Nguyễn Tuấn Anh	01/08/1995	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
34	40	Phạm Tuấn Anh	09/03/1981	84	Đạt	91	Đạt	Đạt	
35	41	Dương Thủy Anh	18/07/2003	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
36	42	Lê Thị Ánh	02/02/1992	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
37	43	Hoàng Ngọc Ánh	15/10/1998	95	Đạt	98	Đạt	Đạt	
38	44	Nguyễn Nhật Ánh	26/07/2005	76	Đạt	90	Đạt	Đạt	
39	45	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	28/11/2003	93	Đạt	99	Đạt	Đạt	
40	47	Lê Ngọc Ánh	31/07/1996	75	Đạt	92	Đạt	Đạt	
41	48	Nguyễn Thị Ánh	24/07/1991	89	Đạt	90	Đạt	Đạt	
42	49	Vũ Thị Nguyệt Ánh	02/05/2000	97	Đạt	98	Đạt	Đạt	
43	50	Lương Sơn Ba	08/09/1997	93	Đạt	94	Đạt	Đạt	
44	51	Đỗ Bắc	15/05/1973	84	Đạt	83	Đạt	Đạt	
45	52	Lê Văn Bắc	08/10/1979	88	Đạt	91	Đạt	Đạt	
46	53	Nguyễn Viết Bắc	02/08/1997	77	Đạt	89	Đạt	Đạt	
47	54	Nguyễn Bá Bách	25/11/2001	90	Đạt	96	Đạt	Đạt	
48	55	Phạm Xuân Bách	29/02/1992	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
49	56	Trần Văn Bách	30/06/1986	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
50	57	Bùi Hữu Bằng	20/11/1985	76	Đạt	87	Đạt	Đạt	
51	58	Nguyễn Thị Công Bằng	04/11/1981	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
52	59	Phạm Văn Bằng	05/07/1970	77	Đạt	89	Đạt	Đạt	
53	60	Hà Đức Bảo	08/05/1987	89	Đạt	93	Đạt	Đạt	
54	61	Trịnh Thị Bé	12/02/1984	85	Đạt	92	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
55	62	Trần Thị Bích	25/05/1990	80	Đạt	86	Đạt	Đạt	
56	63	Bùi Thị Bích	11/04/1993	93	Đạt	99	Đạt	Đạt	
57	64	Đỗ Thị Bích	14/09/1987	98	Đạt	95	Đạt	Đạt	
58	65	Dương Thị Ngọc Bích	20/01/1992	90	Đạt	100	Đạt	Đạt	
59	66	Nguyễn Xuân Biện	04/03/1981	81	Đạt	88	Đạt	Đạt	
60	67	Nguyễn Thị Kim Bình	15/06/2004	87	Đạt	97	Đạt	Đạt	
61	69	Lê Thanh Bình	21/06/2001	80	Đạt	85	Đạt	Đạt	
62	70	Vi Thị Bình	12/01/1990	94	Đạt	94	Đạt	Đạt	
63	71	Nguyễn Tiến Bình	30/12/1987	83	Đạt	99	Đạt	Đạt	
64	72	Nguyễn Đăng Bình	12/10/1997	92	Đạt	97	Đạt	Đạt	
65	73	Nguyễn Văn Bình	09/09/1993	94	Đạt	96	Đạt	Đạt	
66	74	Trần Thị Thanh Bình	08/03/1987	91	Đạt	94	Đạt	Đạt	
67	75	Nguyễn Thanh Bình	18/08/1991	76	Đạt	96	Đạt	Đạt	
68	76	Nguyễn Xuân Bình	18/02/1973	77	Đạt	83	Đạt	Đạt	
69	77	Nguyễn Văn Cấn	09/07/1998	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
70	78	Trần Văn Cảnh	04/10/1991	74	Đạt	86	Đạt	Đạt	
71	79	Ngô Công Cảnh	12/09/1989	81	Đạt	95	Đạt	Đạt	
72	80	Nguyễn Văn Cao	28/04/1988	89	Đạt	92	Đạt	Đạt	
73	81	Lê Thanh Châm	28/10/1982	85	Đạt	90	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
74	82	Nguyễn Thị Lệ Chi	26/02/2004	88	Đạt	97	Đạt	Đạt	
75	83	Nguyễn Thị Kim Chi	21/03/1972	92	Đạt	84	Đạt	Đạt	
76	84	Nguyễn Đức Chí	08/07/1989	84	Đạt	91	Đạt	Đạt	
77	86	Dương Đức Chiến	28/03/1985	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
78	87	Phan Ngọc Chiến	05/12/1990	94	Đạt	88	Đạt	Đạt	
79	88	Dương Văn Chiến	08/08/1979	82	Đạt	85	Đạt	Đạt	
80	89	Đinh Văn Chiến	20/12/1999	87	Đạt	88	Đạt	Đạt	
81	90	Phạm Văn Chiến	16/03/2000	91	Đạt	81	Đạt	Đạt	
82	91	Vũ Thị Chinh	06/04/1990	91	Đạt	94	Đạt	Đạt	
83	92	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	05/12/1980	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
84	93	Nguyễn Đình Chính	16/12/1982	84	Đạt	93	Đạt	Đạt	
85	94	Lê Huy Chính	05/01/1991	88	Đạt	86	Đạt	Đạt	
86	95	Nguyễn Văn Chính	02/05/1979	78	Đạt	73	Đạt	Đạt	
87	96	Kiều Văn Chinh	09/01/1994	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
88	97	Nguyễn Tuấn Chỉnh	29/03/1983	86	Đạt	92	Đạt	Đạt	
89	99	Lê Thị Kim Chúc	08/12/1985	94	Đạt	97	Đạt	Đạt	
90	100	Nguyễn Văn Chúc	11/01/1993	87	Đạt	89	Đạt	Đạt	
91	103	Hoàng Thành Chung	17/06/1982	94	Đạt	100	Đạt	Đạt	
92	105	Lò Văn Chưởng	10/07/1996	95	Đạt	85	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
93	107	Vũ Thị Chuyen	05/10/1985	99	Đạt	97	Đạt	Đạt	
94	108	Nguyễn Văn Công	27/04/1984	90	Đạt	83	Đạt	Đạt	
95	109	Dương Văn Công	22/10/1992	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
96	110	Phạm Chí Công	08/07/1989	97	Đạt	95	Đạt	Đạt	
97	111	Kheo Văn Công	23/07/1994	92	Đạt	93	Đạt	Đạt	
98	114	Nguyễn Thị Cúc	20/09/1986	99	Đạt	98	Đạt	Đạt	
99	115	Đỗ Đình Cường	20/10/1982	89	Đạt	94	Đạt	Đạt	
100	116	Lê Minh Cường	12/09/1996	96	Đạt	98	Đạt	Đạt	
101	118	Trần Quý Cường	07/08/1985	93	Đạt	94	Đạt	Đạt	
102	119	Nguyễn Việt Cường	20/10/1988	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
103	120	Nguyễn Đức Cường	17/08/1986	97	Đạt	96	Đạt	Đạt	
104	121	Phạm Mạnh Cường	07/10/1984	90	Đạt	90	Đạt	Đạt	
105	122	Nguyễn Quốc Cường	25/10/1989	90	Đạt	88	Đạt	Đạt	
106	123	Nguyễn Việt Cường	02/02/1988	94	Đạt	87	Đạt	Đạt	
107	124	Từ Đạt Cường	15/09/2000	94	Đạt	88	Đạt	Đạt	
108	125	Nguyễn Khắc Cường	22/08/1986	93	Đạt	84	Đạt	Đạt	
109	126	Hoàng Đức Cường	20/11/1980	86	Đạt	86	Đạt	Đạt	
110	127	An Chí Cường	17/07/1985	89	Đạt	85	Đạt	Đạt	
111	128	Nguyễn Việt Cường	19/07/1986	82	Đạt	87	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
112	129	Hà Đình Cường	31/12/2002	92	Đạt	82	Đạt	Đạt	
113	132	Điêu Mạnh Cường	23/05/1984	79	Đạt	88	Đạt	Đạt	
114	133	Cao Văn Đại	13/11/1992	91	Đạt	86	Đạt	Đạt	
115	134	Vũ Thị Linh Đan	05/11/1994	93	Đạt	87	Đạt	Đạt	
116	135	Đào Hải Đăng	22/09/1982	95	Đạt	83	Đạt	Đạt	
117	136	Đoàn Công Doanh	15/10/1991	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
118	137	Phạm Hoàng Đạo	20/09/1994	86	Đạt	83	Đạt	Đạt	
119	138	Nguyễn Huy Đạt	19/05/1993	75	Đạt	92	Đạt	Đạt	
120	139	Nguyễn Bá Đạt	16/07/1990	91	Đạt	79	Đạt	Đạt	
121	140	Phùng Đức Tú Đạt	31/07/2004	82	Đạt	88	Đạt	Đạt	
122	142	Vũ Quốc Đạt	27/11/2000	84	Đạt	85	Đạt	Đạt	
123	143	Vương Bảo Diễm	31/03/2006	75	Đạt	82	Đạt	Đạt	
124	144	Ngô Thị Diên	24/01/1980	83	Đạt	84	Đạt	Đạt	
125	145	Tổng Văn Diễn	21/07/1996	91	Đạt	85	Đạt	Đạt	
126	146	Trần Trọng Điền	03/03/1990	97	Đạt	89	Đạt	Đạt	
127	147	Bùi Ngọc Điền	18/04/1982	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
128	148	Nguyễn Khắc Điệp	23/01/1978	87	Đạt	87	Đạt	Đạt	
129	149	Nguyễn Thị Điệp	02/06/1982	87	Đạt	71	Đạt	Đạt	
130	150	Bùi Thị Dịu	11/05/1994	98	Đạt	91	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
131	151	Phạm Thúy Dịu	25/11/1985	95	Đạt	99	Đạt	Đạt	
132	152	Nguyễn Thị Dịu	10/11/1991	96	Đạt	95	Đạt	Đạt	
133	153	Lê Thành Đô	23/04/1993	96	Đạt	95	Đạt	Đạt	
134	154	Đoàn Thị Doan	17/09/1988	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
135	156	Đào Đình Đoàn	16/07/1991	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
136	158	Đỗ Ngọc Doanh	05/01/1983	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
137	159	Nguyễn Văn Đôn	08/05/1985	93	Đạt	93	Đạt	Đạt	
138	160	Vũ Văn Dòng	15/11/1987	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
139	161	Dư Thị Kiều Đông	07/12/1988	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
140	162	Hoàng Văn Đông	21/04/1983	95	Đạt	95	Đạt	Đạt	
141	163	Phan Vũ Huy Đông	14/02/1981	98	Đạt	99	Đạt	Đạt	
142	164	Phan Thanh Long	14/10/1982	98	Đạt	91	Đạt	Đạt	
143	165	Đặng Văn Duẩn	16/09/1971	91	Đạt	89	Đạt	Đạt	
144	166	Nguyễn Minh Đức	20/11/1997	94	Đạt	90	Đạt	Đạt	
145	167	Hoàng Anh Đức	19/04/1987	93	Đạt	84	Đạt	Đạt	
146	168	Chu Thiên Đức	15/01/1993	95	Đạt	89	Đạt	Đạt	
147	169	Phạm Văn Đức	13/02/1999	95	Đạt	86	Đạt	Đạt	
148	170	Nguyễn Văn Đức	25/08/2000	97	Đạt	92	Đạt	Đạt	
149	171	Phan Xuân Đức	05/05/1992	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
150	173	Phạm Minh Đức	07/08/1985	96	Đạt	98	Đạt	Đạt	
151	174	Nguyễn Văn Đức	03/10/1998	97	Đạt	92	Đạt	Đạt	
152	175	Đỗ Huy Đức	19/09/2002	95	Đạt	85	Đạt	Đạt	
153	176	Nguyễn Anh Đức	17/02/1993	85	Đạt	91	Đạt	Đạt	
154	177	Viên Ngọc Đức	28/10/2006	77	Đạt	81	Đạt	Đạt	
155	178	Nguyễn Phạm Công Đức	23/05/1979	87	Đạt	95	Đạt	Đạt	
156	179	Nguyễn Thanh Dung	20/05/1996	86	Đạt	85	Đạt	Đạt	
157	180	Phùng Thuỳ Dung	18/04/1997	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
158	181	Nguyễn Thị Phương Dung	06/05/1990	80	Đạt	96	Đạt	Đạt	
159	182	Nguyễn Thị Dung	20/01/2001	94	Đạt	90	Đạt	Đạt	
160	183	Trần Thị Dung	25/07/1994	98	Đạt	99	Đạt	Đạt	
161	184	Vũ Thị Dung	20/07/1988	93	Đạt	91	Đạt	Đạt	
162	185	Nguyễn Phương Dung	04/11/1983	82	Đạt	96	Đạt	Đạt	
163	186	Trần Trí Dũng	22/11/1996	87	Đạt	92	Đạt	Đạt	
164	187	Nguyễn Văn Dũng	07/02/1991	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
165	188	Nguyễn Tiến Dũng	05/07/1988	99	Đạt	95	Đạt	Đạt	
166	189	Bùi Văn Dũng	28/12/1995	90	Đạt	97	Đạt	Đạt	
167	190	Trần Minh Dũng	27/03/1989	91	Đạt	99	Đạt	Đạt	
168	191	Hoàng Mạnh Dũng	10/03/1994	96	Đạt	95	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
169	192	Phạm Tiến Dũng	30/11/1992	99	Đạt	96	Đạt	Đạt	
170	193	Đào Văn Dũng	10/08/1987	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
171	194	Hoàng Thanh Dũng	07/02/1984	95	Đạt	98	Đạt	Đạt	
172	195	Hoàng Việt Dũng	29/12/1983	89	Đạt	99	Đạt	Đạt	
173	196	Nguyễn Văn Dũng	23/09/1993	93	Đạt	95	Đạt	Đạt	
174	198	Trần Đình Dũng	14/08/1986	95	Đạt	99	Đạt	Đạt	
175	199	Hồ Anh Dũng	19/03/1995	91	Đạt	98	Đạt	Đạt	
176	200	Bùi Minh Dũng	24/01/1985	93	Đạt	96	Đạt	Đạt	
177	201	Đỗ Văn Dũng	13/12/1981	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
178	202	Vũ Tiến Dũng	28/10/1978	86	Đạt	80	Đạt	Đạt	
179	203	Lê Yên Thùy Dương	15/09/1980	92	Đạt	88	Đạt	Đạt	
180	204	Bùi Huy Dương	13/06/1998	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
181	205	Phạm Duy Dương	02/05/1987	73	Đạt	88	Đạt	Đạt	
182	206	Bùi Văn Dương	19/09/1991	88	Đạt	94	Đạt	Đạt	
183	207	Trần Đại Dương	08/07/1993	92	Đạt	92	Đạt	Đạt	
184	208	Phạm Hoàng Dương	20/10/1981	90	Đạt	92	Đạt	Đạt	
185	209	Vũ Thùy Dương	29/09/2007	97	Đạt	99	Đạt	Đạt	
186	210	Hoàng Ánh Dương	07/04/1972	89	Đạt	77	Đạt	Đạt	
187	211	Đoàn Hải Dương	30/04/2001	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
188	212	Nguyễn Văn Dương	19/12/1996	99	Đạt	94	Đạt	Đạt	
189	213	Vũ Xuân Dương	12/02/1997	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
190	215	Nguyễn Ánh Dương	15/02/1989	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
191	216	Phạm Đại Dương	25/12/1993	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
192	217	Nguyễn Trọng Dương	07/10/1989	91	Đạt	92	Đạt	Đạt	
193	219	Ninh Văn Dương	15/07/1997	82	Đạt	91	Đạt	Đạt	
194	220	Tạ Thị Thùy Dương	27/01/1986	99	Đạt	95	Đạt	Đạt	
195	221	Tạ Hải Đường	17/09/1991	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
196	222	Nguyễn Hải Đường	04/09/1987	87	Đạt	89	Đạt	Đạt	
197	223	Trần Anh Duy	05/04/2000	93	Đạt	98	Đạt	Đạt	
198	224	Mai Văn Duy	10/10/1988	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
199	225	Phạm Văn Duy	10/10/1994	89	Đạt	93	Đạt	Đạt	
200	226	Vũ Đức Duy	30/09/1993	99	Đạt	92	Đạt	Đạt	
201	227	Vũ Lệnh Duy	23/06/1986	94	Đạt	97	Đạt	Đạt	
202	228	Nguyễn Đức Duy	05/11/1999	91	Đạt	98	Đạt	Đạt	
203	229	Dương Thị Duyên	09/08/1991	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
204	230	Khúc Thị Duyên	19/07/1989	99	Đạt	92	Đạt	Đạt	
205	231	Vũ Thị Hương Duyên	25/11/1969	91	Đạt	97	Đạt	Đạt	
206	232	Lường Thị Em	18/10/1992	86	Đạt	81	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
207	233	Tô Thị Kim Gấm	22/10/1983	90	Đạt	92	Đạt	Đạt	
208	234	Lương Thị Thu Giang	03/03/1977	86	Đạt	81	Đạt	Đạt	
209	235	Phạm Hoàng Giang	08/11/1988	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
210	236	Phạm Thị Giang	20/04/1982	98	Đạt	89	Đạt	Đạt	
211	237	Bùi Văn Giang	03/10/1983	88	Đạt	89	Đạt	Đạt	
212	239	Nguyễn Trường Giang	19/09/2001	92	Đạt	97	Đạt	Đạt	
213	240	Nguyễn Trường Giang	11/09/1985	85	Đạt	91	Đạt	Đạt	
214	241	Nguyễn Quỳnh Giang	15/09/1994	91	Đạt	87	Đạt	Đạt	
215	242	Phạm Thị Hương Giang	13/11/1976	96	Đạt	94	Đạt	Đạt	
216	243	Nguyễn Hương Giang	21/08/1991	96	Đạt	86	Đạt	Đạt	
217	247	Lê Thị Thu Hà	07/12/1986	94	Đạt	93	Đạt	Đạt	
218	248	Phạm Thị Hà	20/05/1989	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
219	250	Đặng Thị Thanh Hà	09/11/1980	95	Đạt	95	Đạt	Đạt	
220	251	Trần Văn Hà	05/06/1987	95	Đạt	89	Đạt	Đạt	
221	252	Trần Thị Thùy Trang	06/06/1996	99	Đạt	100	Đạt	Đạt	
222	253	Lê Thị Thu Hà	19/10/1981	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
223	254	Đoàn Thị Thu Hà	26/10/1992	96	Đạt	91	Đạt	Đạt	
224	255	Nguyễn Thị Việt Hà	30/03/1990	80	Đạt	81	Đạt	Đạt	
225	256	Hoàng Đình Hà	15/08/1997	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
226	257	Trần Thị Ngọc Hà	19/09/1985	88	Đạt	84	Đạt	Đạt	
227	258	Nguyễn Hoàng Hà	21/08/1980	97	Đạt	90	Đạt	Đạt	
228	259	Nguyễn Thị Hà	10/04/1981	79	Đạt	85	Đạt	Đạt	
229	260	Trịnh Xuân Hà	27/07/1982	90	Đạt	79	Đạt	Đạt	
230	262	Hoàng Thu Hà	06/10/1988	86	Đạt	81	Đạt	Đạt	
231	263	Nguyễn Thị Hà	25/04/1997	85	Đạt	85	Đạt	Đạt	
232	264	Mai Thị Thu Hà	23/02/1987	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
233	265	Đào Thu Hà	23/05/1993	94	Đạt	96	Đạt	Đạt	
234	266	Nguyễn Thị Hà	19/01/1994	100	Đạt	99	Đạt	Đạt	
235	267	Hoàng Thị Hà	05/09/1988	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	
236	268	Phạm Thị Thu Hà	22/09/1978	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
237	269	Vũ Mạnh Hà	13/01/1979	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
238	270	Lê Thị Hà	26/04/1982	100	Đạt	99	Đạt	Đạt	
239	272	Nguyễn Thị Hạ	12/07/2000	76	Đạt	87	Đạt	Đạt	
240	274	Vũ Minh Hải	21/11/1983	80	Đạt	94	Đạt	Đạt	
241	275	Phạm Thị Hải	20/11/1985	86	Đạt	93	Đạt	Đạt	
242	276	Nguyễn Thị Hải	01/05/1990	79	Đạt	94	Đạt	Đạt	
243	277	Nguyễn Duy Hải	13/02/1993	71	Đạt	93	Đạt	Đạt	
244	278	Trương Tuấn Hải	16/07/2000	70	Đạt	80	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
245	279	Nguyễn Thanh Hải	18/07/1991	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	
246	281	Lê Minh Hải	18/01/1998	74	Đạt	92	Đạt	Đạt	
247	282	Phạm Hồng Hải	30/08/2001	80	Đạt	94	Đạt	Đạt	
248	283	Trần Ngọc Hải	01/11/1975	85	Đạt	93	Đạt	Đạt	
249	284	Đoàn Hắc Hải	26/10/1983	78	Đạt	94	Đạt	Đạt	
250	285	Nguyễn Ngọc Hải	24/06/2002	83	Đạt	76	Đạt	Đạt	
251	287	Võ Thanh Hải	09/11/1995	90	Đạt	98	Đạt	Đạt	
252	288	Nguyễn Thị Hân	04/09/1982	87	Đạt	91	Đạt	Đạt	
253	289	Đinh Thị Ngọc Hân	10/07/1998	91	Đạt	94	Đạt	Đạt	
254	290	Nguyễn Thu Hằng	09/10/1992	93	Đạt	89	Đạt	Đạt	
255	291	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	01/09/1994	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
256	292	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/09/1995	86	Đạt	92	Đạt	Đạt	
257	293	Đỗ Thị Thanh Hằng	23/07/1991	85	Đạt	98	Đạt	Đạt	
258	294	Vũ Thị Thu Hằng	04/01/1989	98	Đạt	94	Đạt	Đạt	
259	295	Hoàng Thị Thúy Hằng	02/01/1996	88	Đạt	98	Đạt	Đạt	
260	296	Nguyễn Thanh Hằng	23/11/1994	99	Đạt	92	Đạt	Đạt	
261	297	Trần Thị Thu Hằng	05/06/1979	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
262	298	Phạm Thị Thu Hằng	03/02/1992	84	Đạt	95	Đạt	Đạt	
263	299	Trần Thị Hằng	25/06/1975	87	Đạt	89	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
264	300	Phạm Thị Hằng	10/07/1991	95	Đạt	91	Đạt	Đạt	
265	301	Nguyễn Thị Hằng	18/03/1996	94	Đạt	94	Đạt	Đạt	
266	302	Đỗ Thị Thu Hằng	27/10/1985	90	Đạt	82	Đạt	Đạt	
267	303	Đỗ Thị Hằng	14/05/1985	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
268	304	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/01/1981	86	Đạt	93	Đạt	Đạt	
269	305	Nguyễn Thu Hằng	02/07/1984	87	Đạt	92	Đạt	Đạt	
270	306	Nguyễn Thế Hanh	30/04/1984	85	Đạt	92	Đạt	Đạt	
271	307	Đỗ Thị Tuyết Hạnh	28/12/1974	87	Đạt	82	Đạt	Đạt	
272	308	Phạm Thị Mỹ Hạnh	07/10/1995	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
273	309	Hoàng Thu Hạnh	06/02/1974	80	Đạt	88	Đạt	Đạt	
274	310	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	27/12/1989	85	Đạt	82	Đạt	Đạt	
275	311	Trần Thị Hạnh	09/02/1993	93	Đạt	91	Đạt	Đạt	
276	312	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	02/08/1982	86	Đạt	90	Đạt	Đạt	
277	313	Nguyễn Thị Hạnh	24/03/1993	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
278	314	Dương Xuân Hạnh	19/08/1977	88	Đạt	89	Đạt	Đạt	
279	315	Phùng Thị Hạnh	14/08/1998	89	Đạt	84	Đạt	Đạt	
280	316	Nguyễn Văn Hào	21/03/1987	90	Đạt	85	Đạt	Đạt	
281	317	Trần Viết Hào	15/04/1992	84	Đạt	83	Đạt	Đạt	
282	318	Nguyễn Thị Hát	01/08/1979	83	Đạt	85	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
283	319	Mai Văn Hậu	20/08/1981	87	Đạt	95	Đạt	Đạt	
284	320	Trịnh Thị Hậu	12/12/1993	74	Đạt	91	Đạt	Đạt	
285	321	Nguyễn Văn Hậu	15/10/2002	91	Đạt	84	Đạt	Đạt	
286	322	Nguyễn Thị Hậu	13/03/1988	77	Đạt	93	Đạt	Đạt	
287	323	Nguyễn Ngọc Hiền	18/12/1980	82	Đạt	86	Đạt	Đạt	
288	324	Hoàng Văn Hiến	09/01/1998	73	Đạt	93	Đạt	Đạt	
289	325	Nguyễn Ngọc Hiền	27/06/1996	79	Đạt	80	Đạt	Đạt	
290	327	Lê Thị Hiền	25/06/1991	86	Đạt	89	Đạt	Đạt	
291	329	Nguyễn Thị Hiền	21/06/1979	80	Đạt	86	Đạt	Đạt	
292	332	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/11/1980	91	Đạt	86	Đạt	Đạt	
293	333	Nông Thị Hiền	11/04/1988	80	Đạt	89	Đạt	Đạt	
294	334	Vũ Thúy Hiền	17/04/1991	88	Đạt	85	Đạt	Đạt	
295	335	Diệp Thu Hiền	02/06/1990	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
296	336	Nguyễn Thị Hiền	04/08/1987	87	Đạt	91	Đạt	Đạt	
297	338	Hà Thị Hiền	14/07/1987	83	Đạt	89	Đạt	Đạt	
298	339	Dương Thảo Hiền	11/10/2002	79	Đạt	85	Đạt	Đạt	
299	340	Nguyễn Tuấn Hiện	25/08/1983	85	Đạt	83	Đạt	Đạt	
300	342	Vũ Hoàng Hiệp	18/09/1997	95	Đạt	86	Đạt	Đạt	
301	343	Hoàng Văn Hiệp	09/12/1994	86	Đạt	81	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
302	344	Vũ Duy Hiệp	30/06/1991	90	Đạt	83	Đạt	Đạt	
303	346	Lê Trung Hiếu	02/01/1976	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
304	347	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	14/02/1983	79	Đạt	87	Đạt	Đạt	
305	348	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	13/04/1984	96	Đạt	86	Đạt	Đạt	
306	349	Lê Quý Hiếu	19/02/1997	70	Đạt	82	Đạt	Đạt	
307	350	Nguyễn Chí Hiếu	15/11/1984	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
308	351	Hoàng Văn Hiếu	18/02/1996	73	Đạt	89	Đạt	Đạt	
309	352	Trần Trung Hiếu	19/03/1993	94	Đạt	88	Đạt	Đạt	
310	353	Nguyễn Trung Hiếu	15/01/1994	70	Đạt	78	Đạt	Đạt	
311	354	Vũ Trọng Hiếu	06/01/1985	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
312	355	Nguyễn Văn Hiếu	15/08/1995	79	Đạt	82	Đạt	Đạt	
313	356	Ngô Phương Hiếu	29/08/1997	93	Đạt	94	Đạt	Đạt	
314	358	Nguyễn Duy Hiếu	27/06/1978	80	Đạt	78	Đạt	Đạt	
315	360	Trịnh Trung Hiếu	01/04/1984	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
316	361	Nguyễn Xuân Hiếu	09/04/1991	71	Đạt	77	Đạt	Đạt	
317	362	Tô Đức Hiệu	03/06/1993	70	Đạt	75	Đạt	Đạt	
318	363	Nguyễn Danh Hiệu	13/06/1992	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
319	365	Nguyễn Hồng Hoa	09/05/1978	77	Đạt	87	Đạt	Đạt	
320	367	Hoàng Thị Thanh Hoa	29/09/1984	84	Đạt	94	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
321	368	Nguyễn Thị Thuý Hoa	27/03/1989	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
322	370	Đinh Thị Như Hoa	09/02/1998	78	Đạt	96	Đạt	Đạt	
323	371	Tạ Thị Ngọc Hoa	08/01/1987	93	Đạt	95	Đạt	Đạt	
324	372	Kiều Vân Hoa	04/09/1980	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
325	374	Lê Thị Hoa	07/01/1986	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
326	375	Trần Thị Hoa	15/08/1996	93	Đạt	79	Đạt	Đạt	
327	376	Vũ Xuân Hoà	16/09/1986	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
328	378	Dương Minh Hoà	25/09/1994	79	Đạt	76	Đạt	Đạt	
329	381	Lâm Văn Hòa	21/07/1995	84	Đạt	83	Đạt	Đạt	
330	382	Vũ Thị Khánh Hòa	19/07/1990	84	Đạt	84	Đạt	Đạt	
331	383	Đào Văn Hòa	19/08/1989	76	Đạt	73	Đạt	Đạt	
332	384	Nguyễn Văn Hoạch	23/10/1989	74	Đạt	83	Đạt	Đạt	
333	385	Trần Minh Hoài	28/02/1984	80	Đạt	80	Đạt	Đạt	
334	386	Nguyễn Thảo Thu Hoài	06/02/2004	95	Đạt	88	Đạt	Đạt	
335	387	Phạm Văn Hoan	02/07/1993	72	Đạt			Đạt	Cấp lại chứng chỉ
336	388	Phạm Thị Bích Hoàn	19/09/1989	95	Đạt	86	Đạt	Đạt	
337	390	Viên Văn Hoàn	03/10/1999	78	Đạt	80	Đạt	Đạt	
338	391	Nguyễn Huy Hoàng	29/06/1992	76	Đạt	88	Đạt	Đạt	
339	392	Lê Hải Hoàng	19/08/1988	77	Đạt	80	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
340	393	Trịnh Ngọc Hoàng	10/08/1980	100	Đạt	98	Đạt	Đạt	
341	394	Phạm Bá Hoàng	14/03/1988	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
342	397	Nguyễn Ngọc Hoàng	01/03/1985	81	Đạt	81	Đạt	Đạt	
343	398	Nguyễn Hải Hoàng	13/08/1978	73	Đạt	78	Đạt	Đạt	
344	399	Lò Việt Hoàng	01/09/1991	95	Đạt	80	Đạt	Đạt	
345	400	Nguyễn Văn Học	25/09/1997	84	Đạt	81	Đạt	Đạt	
346	401	Nguyễn Thị Hồi	02/04/1994	91	Đạt	96	Đạt	Đạt	
347	403	Huỳnh Thị Hợi	17/07/1995	88	Đạt	96	Đạt	Đạt	
348	404	Nguyễn Trọng Hợi	20/02/1979	79	Đạt	85	Đạt	Đạt	
349	405	Trần Thu Hồng	08/04/1987	97	Đạt	93	Đạt	Đạt	
350	406	Lê Thúy Hồng	03/12/1989	77	Đạt	84	Đạt	Đạt	
351	407	Nguyễn Thị Hồng	19/05/1985	92	Đạt	95	Đạt	Đạt	
352	408	Tô Văn Hồng	30/12/1991	77	Đạt	87	Đạt	Đạt	
353	409	Trần Thị Lệ Hồng	07/09/1981	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
354	410	Nguyễn Quang Hợp	22/11/1989	84	Đạt	83	Đạt	Đạt	
355	411	Vũ Quang Hợp	05/03/1992	82	Đạt	94	Đạt	Đạt	
356	412	Nguyễn Văn Huấn	01/08/1976	92	Đạt	83	Đạt	Đạt	
357	413	Bế Quang Huấn	03/06/1983	84	Đạt	93	Đạt	Đạt	
358	414	Đào Văn Huấn	29/07/1983	87	Đạt	86	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
359	415	Nguyễn Đức Huấn	25/08/1995	92	Đạt	91	Đạt	Đạt	
360	416	Phan Thị Hương Huế	10/08/1981	91	Đạt	83	Đạt	Đạt	
361	418	Nguyễn Thị Huế	16/05/1994	85	Đạt	81	Đạt	Đạt	
362	419	Đào Đức Huệ	23/01/1961	100	Đạt	98	Đạt	Đạt	
363	420	Dương Thị Huệ	30/12/1994	90	Đạt	83	Đạt	Đạt	
364	421	Quảng Minh Huệ	30/12/1997	92	Đạt	85	Đạt	Đạt	
365	424	Nguyễn Giang Phi Hùng	04/03/1998	81	Đạt	86	Đạt	Đạt	
366	426	Nguyễn Đức Hùng	23/06/1980	81	Đạt	87	Đạt	Đạt	
367	427	Dương Văn Hùng	15/07/1989	86	Đạt	84	Đạt	Đạt	
368	428	Trần Anh Hùng	28/04/1982	84	Đạt	83	Đạt	Đạt	
369	429	Phạm Hữu Hùng	19/12/1990	79	Đạt	90	Đạt	Đạt	
370	430	Lê Việt Hùng	15/01/1989	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
371	431	Nguyễn Văn Hùng	20/06/1986	78	Đạt	85	Đạt	Đạt	
372	432	Bùi Đức Hùng	24/06/2000	80	Đạt	91	Đạt	Đạt	
373	433	Đỗ Xuân Hùng	06/05/1990	92	Đạt	91	Đạt	Đạt	
374	434	Đỗ Đức Hùng	16/10/1997	83	Đạt	89	Đạt	Đạt	
375	435	Bùi Mạnh Hùng	02/12/1989	79	Đạt	91	Đạt	Đạt	
376	436	Lê Mạnh Hùng	20/11/1988	89	Đạt	84	Đạt	Đạt	
377	437	Nguyễn Văn Hùng	01/06/1995	90	Đạt	82	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
378	438	Vũ Quốc Hùng	07/04/1997	82	Đạt	89	Đạt	Đạt	
379	439	Cần Mạnh Hùng	22/05/1987	94	Đạt	91	Đạt	Đạt	
380	440	Phạm Văn Hùng	04/06/1966	82	Đạt	73	Đạt	Đạt	
381	441	Vũ Đình Hùng	14/04/1985	82	Đạt	85	Đạt	Đạt	
382	442	Nguyễn Đình Hùng	11/02/1991	76	Đạt	84	Đạt	Đạt	
383	443	Nguyễn Đình Hưng	02/09/1985	87	Đạt	84	Đạt	Đạt	
384	444	Dương Hải Hưng	18/11/2003	74	Đạt	78	Đạt	Đạt	
385	445	Lương Văn Hưng	13/08/1990	81	Đạt	88	Đạt	Đạt	
386	446	Lê Phúc Hưng	11/12/2003	94	Đạt	88	Đạt	Đạt	
387	448	Lương Ngọc Hưng	25/09/1992	96	Đạt	90	Đạt	Đạt	
388	865	Nguyễn Đức Hưng	09/12/1992	89	Đạt	89	Đạt	Đạt	
389	451	Nguyễn Văn Hưng	03/10/1986	86	Đạt	95	Đạt	Đạt	
390	452	Trịnh Thị Hương	18/01/1992	90	Đạt	96	Đạt	Đạt	
391	453	Đào Thị Hương	28/08/2000	91	Đạt	94	Đạt	Đạt	
392	454	Lê Thị Thu Hương	07/07/1990	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
393	455	Vũ Thị Lan Hương	22/06/1982	86	Đạt	92	Đạt	Đạt	
394	456	Trần Thị Hương	08/02/1987	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
395	457	Trần Thị Thu Hương	30/07/1990	87	Đạt	94	Đạt	Đạt	
396	458	Nguyễn Thị Hương	12/06/1990	87	Đạt	93	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
397	459	Phạm Thị Thu Hương	14/09/1993	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
398	460	Nguyễn Thị Hương	15/06/1994	76	Đạt	98	Đạt	Đạt	
399	461	Phạm Thị Hương	15/03/1977	87	Đạt	91	Đạt	Đạt	
400	462	Vũ Thị Thanh Hương	07/11/1979	93	Đạt	98	Đạt	Đạt	
401	463	Nguyễn Thu Hương	01/02/2001	89	Đạt	96	Đạt	Đạt	
402	464	Hoàng Thị Thu Hương	30/06/1991	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
403	468	Nguyễn Thị Thanh Hương	22/10/1997	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
404	469	Nguyễn Thị Bích Hương	20/11/1992	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
405	470	Lê Huy Hương	10/08/1991	98	Đạt	94	Đạt	Đạt	
406	471	Đặng Hồng Hương	03/12/1983	84	Đạt	92	Đạt	Đạt	
407	472	Lê Thị Kim Hương	18/12/1984	82	Đạt	90	Đạt	Đạt	
408	474	Nguyễn Thu Hương	31/08/2005	92	Đạt	95	Đạt	Đạt	
409	475	Tạ Thị Thu Hương	07/04/1985	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
410	476	Trần Thị Mai Hương	22/04/1983	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
411	477	Bùi Thị Hương	28/03/1987	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
412	478	Trần Thị Thanh Hương	08/11/1985	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
413	479	Đào Thị Lan Hương	25/11/1982	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
414	480	Tạ Thị Giáng Hương	14/11/1984	95	Đạt	96	Đạt	Đạt	
415	483	Phạm Thị Thu Hường	26/09/1988	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
416	484	Hà Thu Hường	05/07/1986	94	Đạt	94	Đạt	Đạt	
417	486	Đặng Quang Hữu	05/11/1997	89	Đạt	88	Đạt	Đạt	
418	487	Nguyễn Quang Huy	13/12/2003	72	Đạt	87	Đạt	Đạt	
419	488	Ngo Việt Huy	22/02/1987	92	Đạt	92	Đạt	Đạt	
420	489	Nguyễn Quang Huy	01/8/1999	88	Đạt	98	Đạt	Đạt	
421	490	Nguyễn Thế Huy	24/10/1995	86	Đạt	89	Đạt	Đạt	
422	491	Trần Quang Huy	25/07/1993	82	Đạt	79	Đạt	Đạt	
423	492	Hoàng Thanh Huy	23/08/1984	75	Đạt	83	Đạt	Đạt	
424	493	Đặng Sỹ Huy	24/12/1990	87	Đạt	84	Đạt	Đạt	
425	494	Nguyễn Thị Huyền	30/06/1979	91	Đạt	91	Đạt	Đạt	
426	495	Nguyễn Thị Thanh Huyền	23/05/1990	88	Đạt	89	Đạt	Đạt	
427	497	Nguyễn Thị Huyền	24/03/1992	71	Đạt	89	Đạt	Đạt	
428	498	Nguyễn Thị Huyền	20/10/1974	71	Đạt	78	Đạt	Đạt	
429	499	Bùi Thị Huyền	17/03/1979	83	Đạt	87	Đạt	Đạt	
430	500	Phùng Thị Huyền	12/02/1987	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
431	502	Cao Thị Mỹ Huyền	19/10/2002	81	Đạt	93	Đạt	Đạt	
432	503	Thân Thị Diệu Huyền	29/07/1996	86	Đạt	93	Đạt	Đạt	
433	504	Trần Thị Thương Huyền	05/07/1991	95	Đạt	93	Đạt	Đạt	
434	505	Hoàng Thị Huyền	06/08/1986	99	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
435	506	Trần Thị Thu Huyền	17/02/2003	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
436	507	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/05/1984	83	Đạt	89	Đạt	Đạt	
437	508	Nguyễn Thị Huyền	18/12/1982	83	Đạt	90	Đạt	Đạt	
438	509	Lưu Thị Thu Huyền	02/12/1986	72	Đạt	89	Đạt	Đạt	
439	510	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/09/1993	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
440	511	Dương Ngọc Huyền	10/09/2004	88	Đạt	93	Đạt	Đạt	
441	512	Nguyễn Thị Thanh Huyền	04/03/1993	85	Đạt	88	Đạt	Đạt	
442	513	Phùng Thị Ngọc Huyền	14/09/1996	88	Đạt	92	Đạt	Đạt	
443	514	Đỗ Thị Thanh Huyền	17/08/2001	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
444	515	Nguyễn Thị Huyền	24/08/1994	79	Đạt	96	Đạt	Đạt	
445	516	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/05/1981	95	Đạt	87	Đạt	Đạt	
446	517	Trần Thị Thanh Huyền	20/12/1986	81	Đạt	96	Đạt	Đạt	
447	518	Giáp Thị Thanh Huyền	04/08/1997	74	Đạt	89	Đạt	Đạt	
448	519	Nguyễn Thị Huyền	28/12/1981	72	Đạt	89	Đạt	Đạt	
449	520	Ma Thị Huyền	20/07/1996	94	Đạt	91	Đạt	Đạt	
450	521	Nguyễn Thị Thanh Huyền	08/08/1993	88	Đạt	88	Đạt	Đạt	
451	522	Nguyễn Văn Huỳnh	10/01/1984	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
452	523	Nguyễn Văn Khải	23/07/1989	85	Đạt	88	Đạt	Đạt	
453	525	Ngô Minh Khanh	12/04/1991	78	Đạt	85	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
454	526	Nguyễn Thị Hiếu Khánh	10/11/1999	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
455	528	Nguyễn Công Khánh	04/07/1979	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
456	529	Nguyễn Văn Khánh	10/08/1993	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
457	531	Vũ Đặng Khánh	09/11/2000	81	Đạt	88	Đạt	Đạt	
458	532	Trần Duy Khánh	28/04/1995	92	Đạt	97	Đạt	Đạt	
459	533	Đình Văn Khánh	25/12/1983	85	Đạt	85	Đạt	Đạt	
460	535	Phạm Quốc Khánh	28/09/1983	84	Đạt	91	Đạt	Đạt	
461	537	Trần Văn Khoa	01/10/1979	87	Đạt	92	Đạt	Đạt	
462	538	Dương Đăng Khoa	11/05/2006	97	Đạt	92	Đạt	Đạt	
463	541	Chu Văn Khôi	19/11/1985	83	Đạt	75	Đạt	Đạt	
464	542	Đoàn Văn Khôi	21/07/1989	70	Đạt	87	Đạt	Đạt	
465	543	Đoàn Văn Kiên	11/07/1996	86	Đạt	76	Đạt	Đạt	
466	545	Cao Văn Kiên	21/12/1993	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
467	546	Khuất Đình Kiên	04/10/1982	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
468	547	Trần Trung Kiên	26/06/1996	99	Đạt	98	Đạt	Đạt	
469	549	Vũ Xuân Kiên	25/03/1982	100	Đạt	99	Đạt	Đạt	
470	550	Bùi Tuấn Kiệt	11/11/1996	94	Đạt	91	Đạt	Đạt	
471	551	Vũ Thị Kim	22/10/1985	98	Đạt	99	Đạt	Đạt	
472	552	Nguyễn Văn Kính	09/01/1997	86	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
473	553	Hồ Đức Kính	04/08/1994	92	Đạt	99	Đạt	Đạt	
474	555	Bùi Tuấn Lâm	11/04/1996	99	Đạt	100	Đạt	Đạt	
475	557	Nguyễn Văn Lâm	19/01/1999	87	Đạt	99	Đạt	Đạt	
476	558	Ngô Thị Lan	28/01/1997	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
477	559	Nguyễn Thị Lan	25/11/1980	82	Đạt	84	Đạt	Đạt	
478	560	Nguyễn Thị Hồng Lan	05/05/1986	91	Đạt	85	Đạt	Đạt	
479	561	Nguyễn Thị Lan	20/02/1994	77	Đạt	93	Đạt	Đạt	
480	562	Nguyễn Thị Phương Lan	28/01/1998	73	Đạt	85	Đạt	Đạt	
481	565	Nguyễn Thị Lanh	17/12/1990	83	Đạt	92	Đạt	Đạt	
482	567	Lưu Thị Cẩm Lệ	07/06/1985	89	Đạt	98	Đạt	Đạt	
483	568	Bùi Thị Lệ	19/10/1991	70	Đạt	78	Đạt	Đạt	
484	569	Nguyễn Văn Liêm	10/12/1984	78	Đạt	92	Đạt	Đạt	
485	571	Vũ Thị Kim Liên	04/10/1994	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
486	572	Tổng Văn Liên	16/04/1980	83	Đạt	97	Đạt	Đạt	
487	574	Đỗ Thị Liên	04/04/1985	79	Đạt	77	Đạt	Đạt	
488	575	Đào Ngọc Liên	04/11/1988	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
489	576	Phạm Thị Mỹ Liên	01/07/1981	86	Đạt	88	Đạt	Đạt	
490	577	Bùi Thị Liễu	15/07/1985	95	Đạt	90	Đạt	Đạt	
491	578	Lê Thị Liễu	14/11/1991	97	Đạt	93	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
492	579	Nguyễn Đình Liệu	07/07/1989	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
493	580	Nguyễn Thùy Linh	08/12/1986	90	Đạt	99	Đạt	Đạt	
494	581	Vũ Thùy Linh	03/01/1981	95	Đạt	100	Đạt	Đạt	
495	582	Phạm Mai Linh	26/01/1994	92	Đạt	99	Đạt	Đạt	
496	583	Chu Phương Linh	22/05/2003	93	Đạt	100	Đạt	Đạt	
497	584	Bùi Thùy Linh	04/01/2005	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
498	585	Mai Thị Nguyệt Linh	05/06/1986	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
499	586	Nguyễn Duy Linh	22/09/2002	98	Đạt	99	Đạt	Đạt	
500	587	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	11/06/1979	89	Đạt	96	Đạt	Đạt	
501	588	Trần Thị Diệu Linh	17/05/1999	96	Đạt	98	Đạt	Đạt	
502	589	Bùi Thị Hải Linh	25/09/1993	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
503	590	Nguyễn Thùy Linh	20/07/1991	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
504	591	Phạm Thùy Linh	17/01/1981	99	Đạt	98	Đạt	Đạt	
505	592	Trần Thị Mỹ Linh	07/05/1995	98	Đạt	94	Đạt	Đạt	
506	593	Nguyễn Tiến Linh	19/08/1989	96	Đạt	93	Đạt	Đạt	
507	594	Phạm Thị Thùy Linh	07/10/1990	100	Đạt	97	Đạt	Đạt	
508	595	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	26/01/1987	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
509	596	Nguyễn Yến Linh	01/05/1996	99	Đạt	98	Đạt	Đạt	
510	597	Đặng Diệp Linh	13/07/1998	93	Đạt	93	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
511	598	Đỗ Thị Thùy Linh	02/02/1997	95	Đạt	93	Đạt	Đạt	
512	599	Tô Tuấn Linh	16/06/1998	91	Đạt	99	Đạt	Đạt	
513	600	Diêm Đăng Linh	16/04/1982	100	Đạt	97	Đạt	Đạt	
514	602	Nguyễn Thị Loan	27/11/1995	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
515	603	Dương Thị Loan	13/11/1994	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	
516	604	Vũ Thị Loan	08/04/1989	91	Đạt	81	Đạt	Đạt	
517	605	Lương Thị Loan	25/01/1980	97	Đạt	87	Đạt	Đạt	
518	606	Nguyễn Tiến Lợi	01/11/1991	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
519	607	Nguyễn Đức Long	08/08/1994	96	Đạt	88	Đạt	Đạt	
520	608	Đỗ Tiềm Long	05/05/1998	92	Đạt	87	Đạt	Đạt	
521	609	Lê Hoàng Long	04/01/2003	97	Đạt	91	Đạt	Đạt	
522	610	Hoàng Xuân Long	14/11/1986	91	Đạt	86	Đạt	Đạt	
523	611	Nguyễn Thanh Long	21/10/1970	97	Đạt	81	Đạt	Đạt	
524	612	Lã Huy Long	08/01/1992	92	Đạt	87	Đạt	Đạt	
525	613	Trần Vĩ Long	24/06/1988	95	Đạt	95	Đạt	Đạt	
526	614	Trịnh Đức Long	10/05/1989	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
527	615	Dương Đình Long	18/07/1995	97	Đạt	95	Đạt	Đạt	
528	616	Tạ Hữu Long	11/12/1989	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
529	617	Trần Thanh Long	15/02/1992	95	Đạt	81	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
530	618	Nguyễn Quốc Long	21/09/1987	95	Đạt	97	Đạt	Đạt	
531	619	Đoàn Thị Lữ	21/02/2004	96	Đạt	93	Đạt	Đạt	
532	620	Lê Huy Luân	07/07/1991	80	Đạt	75	Đạt	Đạt	
533	621	Nguyễn Thành Luân	16/11/1992	98	Đạt	93	Đạt	Đạt	
534	622	Vũ Văn Luân	11/12/1990	91	Đạt	85	Đạt	Đạt	
535	623	Trần Văn Luân	23/03/1986	98	Đạt	88	Đạt	Đạt	
536	624	Nguyễn Thị Luật	24/10/1987	93	Đạt	71	Đạt	Đạt	
537	625	Đặng Văn Lực	14/01/1979	95	Đạt	87	Đạt	Đạt	
538	626	Hoàng Đức Lương	21/11/1994	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
539	627	Nguyễn Thị Thu Lương	01/08/1967	94	Đạt	87	Đạt	Đạt	
540	628	Nguyễn Văn Lượng	10/07/1988	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
541	629	Trần Thị Lượng	16/02/1976	96	Đạt	87	Đạt	Đạt	
542	631	Nguyễn Văn Luyến	16/11/1990	88	Đạt	84	Đạt	Đạt	
543	632	Mai Thị Luyến	22/11/1975	81	Đạt	92	Đạt	Đạt	
544	633	Nguyễn Ngọc Ly	01/08/1994	89	Đạt	90	Đạt	Đạt	
545	634	Lê Thị Khánh Ly	16/01/2005	91	Đạt	98	Đạt	Đạt	
546	635	Hoàng Khánh Ly	15/01/2001	89	Đạt	95	Đạt	Đạt	
547	636	Phạm Thị Lý	12/06/1990	87	Đạt	100	Đạt	Đạt	
548	637	Trần Ngọc Mai	21/06/1989	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
549	638	Lương Thị Ban Mai	02/10/1994	88	Đạt	90	Đạt	Đạt	
550	639	Hoàng Thúy Mai	01/04/1990	89	Đạt	100	Đạt	Đạt	
551	640	Lê Thị Tuyết Mai	25/07/1987	85	Đạt	99	Đạt	Đạt	
552	641	Nguyễn Ngọc Mùi	20/10/1987	93	Đạt	100	Đạt	Đạt	
553	642	Đoàn Bá Mạnh	02/07/1975	85	Đạt	93	Đạt	Đạt	
554	643	Nguyễn Phú Mạnh	24/02/1993	98	Đạt	95	Đạt	Đạt	
555	644	Nguyễn Đức Mạnh	06/02/1993	84	Đạt	94	Đạt	Đạt	
556	645	Nguyễn Chí Mạnh	14/03/1992	98	Đạt	87	Đạt	Đạt	
557	646	Phan Ngọc Mạnh	20/01/1995	91	Đạt	94	Đạt	Đạt	
558	648	Chu Hồng Mạnh	28/08/1982	84	Đạt	95	Đạt	Đạt	
559	650	Đỗ Văn Mạnh	09/09/1984	87	Đạt	97	Đạt	Đạt	
560	651	Trần Hoàng Mạnh	14/08/1984	90	Đạt	100	Đạt	Đạt	
561	652	Trần Đức Mạnh	25/01/2022	77	Đạt	98	Đạt	Đạt	
562	653	Phạm Thị Thanh Miên	10/10/1979	85	Đạt	100	Đạt	Đạt	
563	654	Vũ Thị Miên	09/11/1976	72	Đạt	98	Đạt	Đạt	
564	655	Lý Tường Minh	20/05/1999	83	Đạt	96	Đạt	Đạt	
565	656	Vũ Tuấn Minh	05/10/1995	79	Đạt	90	Đạt	Đạt	
566	657	Bùi Tuấn Minh	18/11/1984	84	Đạt	96	Đạt	Đạt	
567	658	Đỗ Bảo Minh	20/08/2004	81	Đạt	94	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
568	659	Trần Văn Minh	15/11/1981	83	Đạt	93	Đạt	Đạt	
569	660	Ma Thị Minh	22/06/1985	89	Đạt	97	Đạt	Đạt	
570	661	Hoàng Văn Minh	02/09/1985	88	Đạt	91	Đạt	Đạt	
571	662	Phạm Quang Minh	25/01/1997	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
572	663	Nguyễn Thị Hồng Minh	03/10/1991	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
573	664	Nguyễn Tuấn Minh	15/07/2004	90	Đạt	97	Đạt	Đạt	
574	665	Phạm Thị Mơ	02/02/1991	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
575	666	Lê Thị Mùi	02/05/1991	93	Đạt	99	Đạt	Đạt	
576	667	Trần Văn Mùi	15/09/1991	92	Đạt	90	Đạt	Đạt	
577	668	Phí Thị Mùi	21/12/1991	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	
578	669	Bùi Thị Mùi	05/10/1992	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
579	670	Nguyễn Thúy Mùi	25/01/1991	84	Đạt	96	Đạt	Đạt	
580	671	Ngô Thị Mừng	18/05/1990	93	Đạt	98	Đạt	Đạt	
581	674	Nguyễn Đoàn Quang Nam	12/12/2000	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
582	675	Nguyễn Hoàng Nam	15/08/1993	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	
583	676	Nguyễn Hoài Nam	24/04/1990	89	Đạt	96	Đạt	Đạt	
584	677	Nguyễn Thành Nam	26/07/1998	93	Đạt	89	Đạt	Đạt	
585	678	Trần Hồ Nam	06/06/1985	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
586	679	Dương Văn Nam	16/09/1983	86	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
587	680	Nguyễn Thị Hải Nam	10/07/1983	74	Đạt	87	Đạt	Đạt	
588	681	Trương Thị Nam	21/06/1990	84	Đạt	97	Đạt	Đạt	
589	682	Trần Văn Nam	25/08/1990	73	Đạt	89	Đạt	Đạt	
590	683	Nguyễn Tiến Nam	05/08/1972	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
591	684	Đỗ Ngọc Nam	26/06/1990	73	Đạt	84	Đạt	Đạt	
592	685	Đặng Văn Năm	28/06/1985	93	Đạt	93	Đạt	Đạt	
593	686	Phạm Thị Năm	14/04/1990	95	Đạt	98	Đạt	Đạt	
594	687	Nguyễn Văn Năm	05/01/1987	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
595	688	Nguyễn Thị Nga	20/07/1994	91	Đạt	97	Đạt	Đạt	
596	689	Trương Thị Nga	14/02/1987	87	Đạt	88	Đạt	Đạt	
597	690	Lường Xuân Hòa	12/07/1981	91	Đạt	99	Đạt	Đạt	
598	691	Trần Thị Nga	14/07/1989	97	Đạt	91	Đạt	Đạt	
599	692	Trần Thị Nga	07/08/1987	88	Đạt	98	Đạt	Đạt	
600	693	Lê Thị Nga	05/02/1985	85	Đạt	88	Đạt	Đạt	
601	694	Nguyễn Thị Hằng Nga	06/07/1990	94	Đạt	97	Đạt	Đạt	
602	695	Lưu Thị Nga	31/12/1996	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
603	696	Lê Thị Nga	19/08/1987	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	
604	697	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/08/1976	91	Đạt	98	Đạt	Đạt	
605	698	Kiều Thị Nga	13/06/1995	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
606	699	Nguyễn Thị Thanh Nga	02/03/1986	93	Đạt	98	Đạt	Đạt	
607	700	Nguyễn Thị Thanh Nga	11/11/1983	90	Đạt	95	Đạt	Đạt	
608	701	Hà Thúy Nga	26/05/1990	90	Đạt	96	Đạt	Đạt	
609	703	Lã Thị Thùy Ngân	12/11/1999	93	Đạt	98	Đạt	Đạt	
610	704	Bùi Thị Ngân	28/08/1992	89	Đạt	98	Đạt	Đạt	
611	705	Bùi Thị Ngân	09/04/2001	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
612	706	Hoàng Thị Ngân	09/07/1994	86	Đạt	95	Đạt	Đạt	
613	707	Lê Phương Ngân	08/01/1981	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
614	708	Nguyễn Thị Ngân	18/10/1988	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
615	709	Đỗ Thị Ngân	11/10/1993	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
616	710	Tạ Thị Thanh Ngân	29/08/1991	85	Đạt	88	Đạt	Đạt	
617	711	Bằng Thị Kim Ngân	24/02/2001	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
618	712	Vũ Thị Ngân	08/10/1990	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
619	713	Dương Xuân Nghĩa	10/01/2001	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
620	714	Nguyễn Hùng Trung Nghĩa	21/12/2000	87	Đạt	93	Đạt	Đạt	
621	715	Lê Viết Nghĩa	02/09/1991	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
622	716	Vương Tuấn Nghĩa	15/10/1993	89	Đạt	90	Đạt	Đạt	
623	717	Trần Văn Ngọ	10/10/1990	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
624	718	Hà Văn Ngọc	04/09/1977	84	Đạt	90	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
625	719	Hoàng Văn Ngọc	19/05/1987	90	Đạt	96	Đạt	Đạt	
626	720	Đào Thị Ngọc	29/09/1991	80	Đạt	88	Đạt	Đạt	
627	721	Thạch Thị Anh Ngọc	06/09/1995	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
628	722	La Hồng Ngọc	08/09/1993	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
629	723	Bùi Thị Bích Ngọc	02/01/1992	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
630	724	Đinh Bảo Ngọc	09/08/1968	90	Đạt	83	Đạt	Đạt	
631	725	Bùi Bích Ngọc	24/04/2004	93	Đạt	95	Đạt	Đạt	
632	726	Phùng Quang Ngọc	15/05/1985	85	Đạt	82	Đạt	Đạt	
633	727	Nguyễn Văn Ngọc	22/09/1996	81	Đạt	87	Đạt	Đạt	
634	728	Phùng Ngọc Bảo Nguyên	14/09/2000	77	Đạt	79	Đạt	Đạt	
635	729	Vũ Hoàng Trung Nguyên	19/01/2002	86	Đạt	96	Đạt	Đạt	
636	730	Tổng Sỹ Tuấn Nguyên	22/06/1991	96	Đạt	93	Đạt	Đạt	
637	731	Vũ Đức Nguyễn	08/11/1990	90	Đạt	88	Đạt	Đạt	
638	732	Nguyễn Thị Nguyệt	15/08/1984	87	Đạt	93	Đạt	Đạt	
639	733	Lê Thị Nguyệt	23/11/1984	79	Đạt	81	Đạt	Đạt	
640	734	Hoàng Thị Nguyệt	02/09/1991	83	Đạt	92	Đạt	Đạt	
641	736	Lưu Thị Nguyệt	03/07/1991	88	Đạt	77	Đạt	Đạt	
642	737	Trương Thị Thanh Nhã	13/12/1988	84	Đạt	88	Đạt	Đạt	
643	738	Đào Thị Thu Nhã	19/05/1991	88	Đạt	89	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
644	739	Ngô Thị Nhâm	10/11/1990	93	Đạt	90	Đạt	Đạt	
645	740	Đôn Thị Nhâm	03/05/1982	90	Đạt	74	Đạt	Đạt	
646	741	Đỗ Thị Thu Nhân	13/04/1990	89	Đạt	98	Đạt	Đạt	
647	742	Ngô Tấn Nhân	18/07/2000	93	Đạt	92	Đạt	Đạt	
648	743	Vũ Duy Nhất	13/09/1997	91	Đạt	98	Đạt	Đạt	
649	745	Dương Đức Nhật	22/10/1986	98	Đạt	92	Đạt	Đạt	
650	746	Ma Tiến Nhật	28/09/1994	78	Đạt	91	Đạt	Đạt	
651	747	Vũ Thị Ninh	02/05/1993	99	Đạt	96	Đạt	Đạt	
652	748	Trần Thị Như	15/08/1993	80	Đạt	94	Đạt	Đạt	
653	749	Nguyễn Thị Như	29/09/1993	99	Đạt	95	Đạt	Đạt	
654	750	Lê Thị Tuyết Nhưng	01/10/1991	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
655	751	Nguyễn Thị Nhung	17/11/1988	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	
656	752	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng	14/12/1991	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
657	753	Đào Thị Nhung	10/09/2003	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
658	754	Nguyễn Thị Nhung	15/08/1984	88	Đạt	94	Đạt	Đạt	
659	755	Đinh Thị Hoàng Nhưng	09/10/1982	94	Đạt	99	Đạt	Đạt	
660	756	Nguyễn Thị Nhung	16/02/1980	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
661	757	Phạm Hồng Nhung	12/02/1985	99	Đạt	97	Đạt	Đạt	
662	758	Phạm Thị Hồng Nhưng	28/04/1988	82	Đạt	87	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
663	759	Lý Thị Huyền Nhung	21/08/1989	99	Đạt	99	Đạt	Đạt	
664	760	Bùi Thị Tuyết Nhung	26/03/1998	89	Đạt	95	Đạt	Đạt	
665	761	Nguyễn Thị Nhung	05/07/1985	96	Đạt	98	Đạt	Đạt	
666	762	Lê Văn Nhượng	26/08/1990	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
667	763	Nguyễn Thị Thi Niệm	08/05/1993	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
668	764	Chữ Đức Ninh	08/01/1992	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
669	765	Nguyễn Hoàng Ninh	18/01/2003	83	Đạt	97	Đạt	Đạt	
670	766	Nguyễn Thị Nụ	16/06/2000	96	Đạt	95	Đạt	Đạt	
671	767	Trần Đình Oai	17/08/1993	94	Đạt	98	Đạt	Đạt	
672	768	Lê Thị Kim Oanh	13/08/1990	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
673	769	Dương Viết Phan	10/03/1984	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
674	770	Dương Văn Phát	03/06/2000	85	Đạt	100	Đạt	Đạt	
675	771	Nguyễn Nam Phong	30/04/1986	97	Đạt	91	Đạt	Đạt	
676	772	Nguyễn Thanh Phong	02/09/1997	94	Đạt	94	Đạt	Đạt	
677	773	Trần Văn Phong	05/04/1996	93	Đạt	92	Đạt	Đạt	
678	774	Nguyễn Nam Phong	23/02/1989	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
679	775	Tạ Hữu Phong	25/11/1989	100	Đạt	100	Đạt	Đạt	
680	776	Vũ Hải Phong	18/05/1982	83	Đạt	88	Đạt	Đạt	
681	777	Trần Văn Phòng	22/10/1995	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
682	778	Hoàng Hữu Phúc	27/06/1987	95	Đạt	96	Đạt	Đạt	
683	779	Đỗ Văn Phúc	23/07/1987	98	Đạt	91	Đạt	Đạt	
684	780	Nguyễn Hữu Phước	07/10/1986	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
685	781	Đào Việt Phương	16/07/1973	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
686	782	Đỗ Thị Phương	30/09/1987	87	Đạt	85	Đạt	Đạt	
687	784	Hoàng Thị Mai Phương	19/05/1989	87	Đạt	88	Đạt	Đạt	
688	786	Phạm Thị Mai Phương	20/11/1992	85	Đạt	91	Đạt	Đạt	
689	787	Khuất Thị Lan Phương	29/01/1983	81	Đạt	83	Đạt	Đạt	
690	788	Đặng Thị Hồng Phương	14/02/2003	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
691	789	Nguyễn Thị Mai Phương	04/12/1986	87	Đạt	80	Đạt	Đạt	
692	790	Ngô Ngọc Phương	03/08/1990	88	Đạt	90	Đạt	Đạt	
693	791	Đào Việt Phương	15/09/1984	82	Đạt	81	Đạt	Đạt	
694	792	Nguyễn Nam Phương	27/11/1996	82	Đạt	84	Đạt	Đạt	
695	793	Nguyễn Tuyết Phương	09/06/1993	82	Đạt	83	Đạt	Đạt	
696	794	Đặng Thị Hồng Phương	11/03/1992	80	Đạt	82	Đạt	Đạt	
697	796	Lỗ Văn Phương	05/09/1980	89	Đạt	85	Đạt	Đạt	
698	797	Nguyễn Hà Phương	13/07/2004	83	Đạt	92	Đạt	Đạt	
699	798	Lê Thị Quỳnh Phương	30/11/1977	84	Đạt	84	Đạt	Đạt	
700	799	Vũ Thị Phương	28/10/1990	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
701	800	Hoàng Thị Phụng	14/08/1978	79	Đạt	77	Đạt	Đạt	
702	801	Vũ Văn Phụng	25/12/1989	92	Đạt	93	Đạt	Đạt	
703	803	Hoàng Thị Bích Phụng	29/08/1986	81	Đạt	94	Đạt	Đạt	
704	804	Đào Thị Phụng	23/09/1986	80	Đạt	91	Đạt	Đạt	
705	805	Nguyễn Anh Quân	17/08/2000	80	Đạt	89	Đạt	Đạt	
706	806	Vũ Hồng Quân	12/06/1998	72	Đạt	74	Đạt	Đạt	
707	808	Ngô Hồng Quân	25/11/1995	79	Đạt	83	Đạt	Đạt	
708	809	Nguyễn Hoàng Quân	05/08/1988	83	Đạt	85	Đạt	Đạt	
709	810	Hoàng Ngọc Quân	06/04/2003	85	Đạt	90	Đạt	Đạt	
710	811	Phạm Hồng Quân	16/06/1998	74	Đạt	84	Đạt	Đạt	
711	812	Hoàng Văn Quân	03/06/1994	87	Đạt	93	Đạt	Đạt	
712	813	Trần Anh Quang	04/07/1983	74	Đạt	93	Đạt	Đạt	
713	814	Hoàng Trọng Quang	02/09/2001	85	Đạt	82	Đạt	Đạt	
714	815	Vũ Đức Quang	15/09/1978	87	Đạt	98	Đạt	Đạt	
715	817	Nguyễn Xuân Quang	02/03/1993	90	Đạt	91	Đạt	Đạt	
716	819	Phùng Xuân Quy	22/08/1990	92	Đạt	96	Đạt	Đạt	
717	820	Nguyễn Hoàng Quý	04/12/1995	88	Đạt	85	Đạt	Đạt	
718	821	Tạ Thị Kim Quý	20/10/1993	76	Đạt	94	Đạt	Đạt	
719	822	Đỗ Xuân Quý	16/10/1981	90	Đạt	83	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
720	824	Nguyễn Như Quyền	15/12/1984	84	Đạt	88	Đạt	Đạt	
721	826	Lê Xuân Quyền	29/12/1997	78	Đạt	74	Đạt	Đạt	
722	827	Lê Đình Quyết	01/04/1989	74	Đạt	82	Đạt	Đạt	
723	828	Dương Mạnh Quyết	15/10/1994	73	Đạt	80	Đạt	Đạt	
724	829	Ngô Mạnh Quyết	26/06/1989	73	Đạt	96	Đạt	Đạt	
725	830	Đặng Lưu Quỳnh	23/12/1975	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
726	831	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	20/11/1984	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
727	832	Lương Thúy Quỳnh	07/06/1987	78	Đạt	83	Đạt	Đạt	
728	833	Hoàng Ngọc Quỳnh	12/09/2003	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
729	834	Nguyễn Như Quỳnh	02/08/1977	76	Đạt	86	Đạt	Đạt	
730	835	Nguyễn Đình Quỳnh	29/12/1989	94	Đạt	95	Đạt	Đạt	
731	836	Nguyễn Thị Quỳnh	23/08/1990	81	Đạt	86	Đạt	Đạt	
732	837	Ngô Văn Quỳnh	23/06/1991	88	Đạt	90	Đạt	Đạt	
733	838	Ma Đức Sáng	31/10/1989	72	Đạt	81	Đạt	Đạt	
734	840	Nguyễn Văn Sáng	14/08/1992	75	Đạt	85	Đạt	Đạt	
735	841	Nguyễn Văn Sinh	24/08/1991	72	Đạt	72	Đạt	Đạt	
736	842	Nguyễn Thị Sinh	22/02/1996	82	Đạt	96	Đạt	Đạt	
737	843	Ma Bá Soài	10/12/1995	77	Đạt	75	Đạt	Đạt	
738	845	Vi Văn Sơn	24/08/1998	76	Đạt	79	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
739	846	Bùi Thanh Sơn	16/08/1979	83	Đạt	94	Đạt	Đạt	
740	847	Nguyễn Hồng Sơn	22/02/1971	92	Đạt	91	Đạt	Đạt	
741	848	Đặng Thái Sơn	28/12/1997	81	Đạt	89	Đạt	Đạt	
742	849	Nguyễn Anh Sơn	15/03/2002	96	Đạt	89	Đạt	Đạt	
743	850	Nguyễn Văn Sơn	05/07/1988	87	Đạt	91	Đạt	Đạt	
744	851	Trần Hoàng Sơn	14/04/1988	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
745	852	Lê Văn Sơn	08/05/1999	74	Đạt	89	Đạt	Đạt	
746	853	Nguyễn Hùng Sơn	22/10/1984	81	Đạt	94	Đạt	Đạt	
747	854	Phạm Bá Sơn	04/07/1987	93	Đạt	97	Đạt	Đạt	
748	855	Đỗ Ngọc Sơn	12/12/1996	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
749	856	Đỗ Văn Song	26/04/1991	92	Đạt	88	Đạt	Đạt	
750	857	Tạ Thị Sửu	20/08/1990	97	Đạt	92	Đạt	Đạt	
751	858	Nguyễn Trí Sỹ	07/12/1980	86	Đạt	88	Đạt	Đạt	
752	859	Bùi Tuấn Tài	21/12/2005	90	Đạt	86	Đạt	Đạt	
753	860	Võ Việt Quốc Tài	03/07/1994	86	Đạt	89	Đạt	Đạt	
754	861	Trần Thị Thanh Tâm	11/11/1984	94	Đạt	90	Đạt	Đạt	
755	862	Hoàng Thị Thanh Tâm	01/06/1992	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
756	863	Nguyễn Tiến Tâm	18/09/2005	86	Đạt	84	Đạt	Đạt	
757	864	Đào Thị Tâm	16/05/2004	96	Đạt	89	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
758	449	Trần Ngọc Tân	01/01/1980	83	Đạt	96	Đạt	Đạt	
759	866	Nguyễn Văn Tân	10/07/1990	80	Đạt	81	Đạt	Đạt	
760	867	Hoàng Trọng Tấn	14/11/1987	97	Đạt	85	Đạt	Đạt	
761	868	Nguyễn Thị Thách	03/02/1987	85	Đạt	98	Đạt	Đạt	
762	869	Phan Văn Thái	11/06/1987	94	Đạt	82	Đạt	Đạt	
763	870	Nguyễn Văn Thái	05/01/1989	79	Đạt	98	Đạt	Đạt	
764	871	Nguyễn Hồng Thái	01/09/1984	96	Đạt	89	Đạt	Đạt	
765	873	Trịnh Thị Thắm	18/05/1984	97	Đạt	89	Đạt	Đạt	
766	874	Vũ Thị Hồng Thắm	05/01/1983	84	Đạt	86	Đạt	Đạt	
767	875	Nguyễn Văn Thắng	28/12/1980	89	Đạt	79	Đạt	Đạt	
768	876	Tạ Văn Thắng	10/07/1986	81	Đạt	91	Đạt	Đạt	
769	877	Lê Quyết Thắng	20/07/1985	88	Đạt	80	Đạt	Đạt	
770	878	Dương Đức Thắng	25/12/1990	86	Đạt	89	Đạt	Đạt	
771	879	Nguyễn Văn Thắng	19/12/1991	86	Đạt	80	Đạt	Đạt	
772	880	Đoàn Minh Thắng	11/07/1985	91	Đạt	91	Đạt	Đạt	
773	881	Nguyễn Mạnh Thắng	03/02/1999	88	Đạt	80	Đạt	Đạt	
774	882	Nguyễn Văn Thắng	24/02/1997	83	Đạt	92	Đạt	Đạt	
775	883	Nguyễn Thị Thắng	25/11/1995	93	Đạt	91	Đạt	Đạt	
776	884	Dương Cao Thắng	11/12/1996	88	Đạt	93	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
777	885	Đặng Văn Thắng	15/11/1988	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
778	886	Ngô Quang Thắng	20/09/1983	88	Đạt	93	Đạt	Đạt	
779	887	Nguyễn Văn Thắng	10/02/1985	93	Đạt	89	Đạt	Đạt	
780	888	Cao Thị Mai Thanh	03/06/1982	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
781	889	Nguyễn Hữu Thanh	05/11/1995	93	Đạt	89	Đạt	Đạt	
782	890	Nguyễn Văn Thanh	02/09/2022	92	Đạt	96	Đạt	Đạt	
783	891	Trần Phương Thanh	25/07/1994	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
784	892	Nguyễn Chí Thanh	26/09/1999	87	Đạt	89	Đạt	Đạt	
785	893	Lưu Thị Thanh	06/06/1982	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	
786	894	Lâm Văn Thanh	16/10/1993	87	Đạt	88	Đạt	Đạt	
787	895	Nguyễn Phương Thanh	19/04/2000	92	Đạt	91	Đạt	Đạt	
788	896	Nguyễn Thị Hoài Thanh	26/11/2004	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
789	897	Diệp Thị Thanh	01/11/1992	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
790	898	Trần Thái Thanh	25/12/1989	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
791	901	Đào Văn Thành	18/01/1988	85	Đạt	87	Đạt	Đạt	
792	902	Nguyễn Thiện Thành	01/10/1991	78	Đạt	83	Đạt	Đạt	
793	903	Kiều Trí Thành	26/01/1996	94	Đạt	88	Đạt	Đạt	
794	905	Phùng Quý Thành	24/06/1983	96	Đạt	94	Đạt	Đạt	
795	906	Đỗ Duy Thành	10/01/1990	88	Đạt	91	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
796	907	Nguyễn Văn Thành	11/11/1982	91	Đạt	96	Đạt	Đạt	
797	908	Nguyễn Văn Thành	05/11/1987	78	Đạt	85	Đạt	Đạt	
798	909	Tạ Quang Thao	30/01/1993	78	Đạt	75	Đạt	Đạt	
799	910	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/01/2007	71	Đạt	81	Đạt	Đạt	
800	911	Hà Thị Thảo	18/09/1994	85	Đạt	87	Đạt	Đạt	
801	912	Tạ Thị Thu Thảo	13/06/1997	71	Đạt	84	Đạt	Đạt	
802	913	Đào Thị Thảo	20/09/1982	78	Đạt	96	Đạt	Đạt	
803	914	Trần Thị Thảo	29/03/1988	89	Đạt	95	Đạt	Đạt	
804	915	Trần Phương Thảo	01/05/1989	96	Đạt	98	Đạt	Đạt	
805	916	Nguyễn Thị Thảo	02/02/1993	89	Đạt	82	Đạt	Đạt	
806	917	Nguyễn Thị Thanh Thảo	04/02/1982	96	Đạt	93	Đạt	Đạt	
807	918	Trịnh Thị Thảo	31/08/1982	79	Đạt	77	Đạt	Đạt	
808	919	Phạm Thị Thu Thảo	29/09/1995	95	Đạt	90	Đạt	Đạt	
809	920	Lê Thị Thảo	12/08/1992	95	Đạt	96	Đạt	Đạt	
810	921	Dương Phương Thảo	04/09/2002	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	
811	922	Nguyễn Thị Bích Thảo	29/09/1984	80	Đạt	94	Đạt	Đạt	
812	923	Phạm Thị Phương Thảo	31/05/1996	88	Đạt	93	Đạt	Đạt	
813	924	Trần Thị Thảo	12/07/1993	88	Đạt	79	Đạt	Đạt	
814	925	Đỗ Thị Thảo	12/07/1988	84	Đạt	80	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
815	926	Nguyễn Thanh Thảo	05/02/1965	76	Đạt	78	Đạt	Đạt	
816	927	Nguyễn Thế Thập	07/07/1987	84	Đạt	90	Đạt	Đạt	
817	928	Nguyễn Thành Thật	10/02/1987	87	Đạt	77	Đạt	Đạt	
818	929	Phạm Văn Thề	11/03/1992	81	Đạt	80	Đạt	Đạt	
819	930	Nguyễn Thị Thêm	19/01/1979	73	Đạt	73	Đạt	Đạt	
820	931	Dương Văn Thi	04/12/1983	97	Đạt	92	Đạt	Đạt	
821	933	Nguyễn Mạnh Thiết	05/04/1986	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
822	934	Nguyễn Văn Thiệu	01/06/1987	85	Đạt	84	Đạt	Đạt	
823	935	Đỗ Đức Thịnh	14/07/1995	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
824	936	Nguyễn Xuân Thịnh	18/01/1980	81	Đạt	76	Đạt	Đạt	
825	937	Trương Đức Thịnh	18/02/1988	96	Đạt	97	Đạt	Đạt	
826	939	Hoàng Thị Huyền Thơ	17/04/1998	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
827	940	Phùng Duy Thọ	20/01/1989	89	Đạt	75	Đạt	Đạt	
828	941	Nguyễn Thị Thoa	10/01/1985	92	Đạt	91	Đạt	Đạt	
829	942	Nguyễn Thị Thuan	15/01/1991	88	Đạt	92	Đạt	Đạt	
830	943	Bùi Thị Thoi	17/07/1988	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
831	944	Vũ Thị Thom	20/09/1986	85	Đạt	89	Đạt	Đạt	
832	945	Lê Thị Thom	16/06/1984	99	Đạt	100	Đạt	Đạt	
833	946	Nguyễn Thị Thông	28/06/1992	91	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
834	947	Tạ Thị Bảy Thu	03/03/1984	89	Đạt	85	Đạt	Đạt	
835	948	Nguyễn Thị Thu	16/07/1982	85	Đạt	88	Đạt	Đạt	
836	949	Bùi Minh Thu	18/12/1973	92	Đạt	92	Đạt	Đạt	
837	950	Nguyễn Thị Hoài Thu	13/12/1988	86	Đạt	86	Đạt	Đạt	
838	951	Trần Hà Thu	05/02/2002	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
839	952	Nguyễn Văn Thu	02/12/2000	94	Đạt	96	Đạt	Đạt	
840	953	Trần Thị Thu	11/11/1992	95	Đạt	91	Đạt	Đạt	
841	954	Nguyễn Thị Thu	26/07/1997	77	Đạt	78	Đạt	Đạt	
842	955	Hoàng Thị Minh Thu	24/07/1990	91	Đạt	84	Đạt	Đạt	
843	956	Nguyễn Kim Thu	29/10/1991	86	Đạt	91	Đạt	Đạt	
844	957	Nhâm Thị Thu	26/02/1998	99	Đạt	100	Đạt	Đạt	
845	958	Hoàng Thị Minh Thu	25/03/1987	89	Đạt	91	Đạt	Đạt	
846	959	Nguyễn Khắc Thuận	09/11/1997	97	Đạt	98	Đạt	Đạt	
847	960	Mai Trọng Thuận	13/02/1985	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	
848	961	Nguyễn Đức Thuận	28/01/1983	78	Đạt	78	Đạt	Đạt	
849	962	Đoàn Văn Thuận	06/09/1991	93	Đạt	99	Đạt	Đạt	
850	963	Phạm Minh Thuận	26/02/1978	94	Đạt	96	Đạt	Đạt	
851	964	Nguyễn Đức Thuận	16/11/1980	90	Đạt	97	Đạt	Đạt	
852	966	Lương Thế Thuật	05/08/1989	85	Đạt	79	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
853	967	Hồ Trung Thực	08/06/1993	98	Đạt	93	Đạt	Đạt	
854	968	Nguyễn Thị Thương	07/10/1995	85	Đạt	83	Đạt	Đạt	
855	969	Phan Thị Thương	10/06/1987	94	Đạt	96	Đạt	Đạt	
856	970	Lê Thị Thương	10/10/1994	79	Đạt	88	Đạt	Đạt	
857	971	Nguyễn Thị Thương	14/07/1998	93	Đạt	90	Đạt	Đạt	
858	972	Hoàng Thị Thương	10/11/1985	86	Đạt	85	Đạt	Đạt	
859	973	Trần Văn Thương	23/05/1977	92	Đạt	93	Đạt	Đạt	
860	974	Đào Thị Thuý	20/02/1987	88	Đạt	98	Đạt	Đạt	
861	975	Lê Vân Thủy	17/01/1989	89	Đạt	95	Đạt	Đạt	
862	976	Nguyễn Thị Hạnh Thủy	20/11/1967	70	Đạt	87	Đạt	Đạt	
863	977	Hoàng Xuân Thủy	22/08/1972	83	Đạt	93	Đạt	Đạt	
864	978	Vũ Thị Thanh Thủy	05/03/1978	93	Đạt	99	Đạt	Đạt	
865	979	Nguyễn Thị Xuân Thủy	15/10/1985	88	Đạt	85	Đạt	Đạt	
866	980	Ngô Thị Thúy	07/09/1987	85	Đạt	91	Đạt	Đạt	
867	981	Phạm Thị Thúy	14/07/1993	99	Đạt	87	Đạt	Đạt	
868	982	Nguyễn Thị Phương Thúy	09/04/1997	91	Đạt	96	Đạt	Đạt	
869	983	Trần Thị Thúy	22/10/1994	88	Đạt	86	Đạt	Đạt	
870	984	Trần Thị Thúy	11/01/1986	84	Đạt	80	Đạt	Đạt	
871	985	Phạm Thị Thúy	30/06/1998	98	Đạt	92	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
872	986	Nguyễn Thị Hồng Thúy	24/11/1988	83	Đạt	87	Đạt	Đạt	
873	987	Trần Thị Thúy	10/01/1990	92	Đạt	88	Đạt	Đạt	
874	988	Tổng Thị Thúy	15/09/1993	95	Đạt	100	Đạt	Đạt	
875	989	Phạm Thị Thúy	19/06/1977	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
876	990	Trần Thị Phương Thúy	04/04/1983	88	Đạt	95	Đạt	Đạt	
877	991	Vũ Thị Thùy	05/08/1990	91	Đạt	85	Đạt	Đạt	
878	992	Trần Thị Thùy	23/08/1990	95	Đạt	97	Đạt	Đạt	
879	993	Bùi Thị Thùy	06/09/1991	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
880	994	Lại Thị Thùy	20/12/1988	94	Đạt	89	Đạt	Đạt	
881	995	Hứa Thị Thùy	14/09/1980	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
882	998	Tôn Văn Thủy	08/08/1979	88	Đạt	96	Đạt	Đạt	
883	999	Trần Thị Thanh Thủy	12/08/1986	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
884	1000	Nguyễn Thị Thu Thủy	04/10/1991	86	Đạt	97	Đạt	Đạt	
885	1001	Nguyễn Xuân Thủy	01/03/1988	97	Đạt	94	Đạt	Đạt	
886	1002	Trần Thị Thủy	21/01/1996	85	Đạt	96	Đạt	Đạt	
887	1003	Nguyễn Thanh Thủy	08/09/1986	87	Đạt	92	Đạt	Đạt	
888	1004	Nguyễn Thị Thủy	12/03/1991	95	Đạt	99	Đạt	Đạt	
889	1005	Giáp Thị Bích Thủy	06/06/1989	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
890	1006	Nguyễn Kim Thủy	07/10/1984	82	Đạt	87	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
891	1007	Tô Thị Thanh Thủy	09/06/1977	100	Đạt	99	Đạt	Đạt	
892	1008	Nông Thị Thanh Thủy	14/01/2005	86	Đạt	82	Đạt	Đạt	
893	1009	Nguyễn Văn Tích	26/02/1988	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
894	1010	Hoàng Ngọc Tiến	08/05/1991	95	Đạt	98	Đạt	Đạt	
895	1011	Vũ Văn Tiến	14/01/1990	89	Đạt	94	Đạt	Đạt	
896	1012	Phùng Nhật Tiến	26/04/1995	95	Đạt	95	Đạt	Đạt	
897	1013	Nguyễn Quyết Tiến	09/07/1983	97	Đạt	96	Đạt	Đạt	
898	1014	Trịnh Thị Tiệp	17/07/1986	96	Đạt	94	Đạt	Đạt	
899	1015	Vũ Thị Tính	15/01/1988	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
900	1016	Nguyễn Văn Tình	21/02/1971	80	Đạt	99	Đạt	Đạt	
901	1017	Nguyễn Khắc Tĩnh	16/03/1986	87	Đạt	89	Đạt	Đạt	
902	1018	Vũ Huy Toàn	04/09/1990	91	Đạt	90	Đạt	Đạt	
903	1019	Nguyễn Thanh Toàn	24/07/1984	95	Đạt	91	Đạt	Đạt	
904	1020	Thân Văn Toàn	05/01/1990	93	Đạt	78	Đạt	Đạt	
905	1021	Hà Quốc Toàn	16/02/1984	82	Đạt	88	Đạt	Đạt	
906	1022	Nguyễn Đức Toàn	21/11/1984	88	Đạt	88	Đạt	Đạt	
907	1023	Lương Ngọc Toàn	12/02/1993	87	Đạt	87	Đạt	Đạt	
908	1024	Nguyễn Văn Toàn	05/09/1983	80	Đạt	88	Đạt	Đạt	
909	1025	Vũ Văn Tới	13/06/1979	93	Đạt	90	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
910	1026	Tạ Thu Trà	22/05/1998	89	Đạt	95	Đạt	Đạt	
911	1027	Phạm Văn Trạch	15/08/1989	86	Đạt	96	Đạt	Đạt	
912	1028	Ngô Thị Ngọc Trâm	19/05/1997	90	Đạt	97	Đạt	Đạt	
913	1029	Lê Thị Phương Trâm	31/01/1999	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
914	1030	Hoàng Văn Trần	05/10/1991	87	Đạt	96	Đạt	Đạt	
915	1031	Kiều Thị Thu Trang	08/02/2000	96	Đạt	92	Đạt	Đạt	
916	1032	Trương Thị Quỳnh Trang	13/09/1991	87	Đạt	93	Đạt	Đạt	
917	1033	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/11/1991	95	Đạt	96	Đạt	Đạt	
918	1034	Vũ Thị Trang	03/03/1996	83	Đạt	92	Đạt	Đạt	
919	1035	Nguyễn Thùy Trang	01/05/2003	93	Đạt	96	Đạt	Đạt	
920	1036	Nguyễn Thị Thiên Trang	08/10/1993	87	Đạt	92	Đạt	Đạt	
921	1037	Tô Thị Trang	18/12/1991	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
922	1038	Lê Thu Trang	24/02/1994	92	Đạt	87	Đạt	Đạt	
923	1039	Hà Thị Huyền Trang	25/12/1987	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
924	1040	Lê Thị Quỳnh Trang	10/11/1990	84	Đạt	93	Đạt	Đạt	
925	1041	Tạ Thị Trang	01/07/1991	94	Đạt	98	Đạt	Đạt	
926	1042	Đỗ Thị Huyền Trang	25/04/1995	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	
927	1043	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/04/1989	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
928	1044	Phạm Lê Thùy Trang	11/07/1988	83	Đạt	90	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
929	1045	Dương Thị Thu Trang	15/03/1989	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
930	1046	Nguyễn Thu Trang	10/10/1985	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
931	1047	Bùi Quỳnh Trang	15/03/2002	77	Đạt	89	Đạt	Đạt	
932	1048	Đinh Thị Huyền Trang	18/08/1995	90	Đạt	89	Đạt	Đạt	
933	1049	Sầm Thị Trang	16/07/1994	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
934	1050	Đoàn Thị Hà Trang	09/02/1995	84	Đạt	92	Đạt	Đạt	
935	1051	Nguyễn Thị Thu Trang	10/09/1985	92	Đạt	89	Đạt	Đạt	
936	1053	Phạm Thu Trang	02/03/2000	93	Đạt	88	Đạt	Đạt	
937	1054	Trần Hà Trang	16/10/2001	87	Đạt	88	Đạt	Đạt	
938	1055	Tường Thị Thu Trang	30/01/1997	85	Đạt	82	Đạt	Đạt	
939	1056	Lục Văn Tranh	05/07/1988	76	Đạt	75	Đạt	Đạt	
940	1058	Phạm Kiều Trinh	29/01/1997	82	Đạt	72	Đạt	Đạt	
941	1059	Vũ Thị Trinh	11/03/1995	82	Đạt	77	Đạt	Đạt	
942	1060	Cao Thế Trinh	04/12/1991	81	Đạt	79	Đạt	Đạt	
943	1061	Nguyễn Đức Trọng	24/11/1987	97	Đạt	91	Đạt	Đạt	
944	1063	Nguyễn Đình Trung	27/03/1972	76	Đạt	76	Đạt	Đạt	
945	1064	Nguyễn Trần Bảo Trung	13/09/1995	84	Đạt	72	Đạt	Đạt	
946	1065	Hoàng Quang Trung	03/01/1982	91	Đạt	95	Đạt	Đạt	
947	1066	Nguyễn Văn Trung	26/10/1990	75	Đạt	71	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
948	1067	Võ Hữu Trung	15/09/1988	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
949	1068	Nguyễn Văn Trung	09/09/1986	81	Đạt	82	Đạt	Đạt	
950	1070	Đỗ Ngọc Trung	22/04/1997	88	Đạt	73	Đạt	Đạt	
951	1071	Bùi Minh Trung	23/09/1997	80	Đạt	78	Đạt	Đạt	
952	1072	Bùi Minh Trung	14/10/1982	91	Đạt	87	Đạt	Đạt	
953	1073	Lại Văn Trường	03/10/1987	85	Đạt	82	Đạt	Đạt	
954	1075	Bùi Văn Trường	19/10/1994	82	Đạt	78	Đạt	Đạt	
955	1077	Trần Văn Trường	16/07/1991	86	Đạt	86	Đạt	Đạt	
956	1078	Phạm Ngọc Trường	04/01/1981	82	Đạt	84	Đạt	Đạt	
957	1081	Nguyễn Văn Trường	30/11/1986	96	Đạt	75	Đạt	Đạt	
958	1082	Trịnh Văn Trường	20/05/1990	89	Đạt	90	Đạt	Đạt	
959	1083	Đỗ Đình Trường	27/04/1987	77	Đạt	75	Đạt	Đạt	
960	1085	Nguyễn Tuấn Tú	10/03/1994	99	Đạt	96	Đạt	Đạt	
961	1086	Nguyễn Phan Anh Tú	13/07/1995	80	Đạt	79	Đạt	Đạt	
962	1087	Nguyễn Anh Tú	15/08/1991	95	Đạt	91	Đạt	Đạt	
963	1089	Nguyễn Đình Tú	22/04/2007	73	Đạt	82	Đạt	Đạt	
964	1090	Trần Thị Thanh Tư	28/09/1982	93	Đạt	85	Đạt	Đạt	
965	1092	Vũ Ngọc Tuấn	14/12/2000	94	Đạt	83	Đạt	Đạt	
966	1093	Nguyễn Ngọc Tuấn	29/05/1997	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
967	1094	Trần Anh Tuấn	05/08/2002	83	Đạt	96	Đạt	Đạt	
968	1096	Nguyễn Thìn Tuấn	20/06/1986	93	Đạt	95	Đạt	Đạt	
969	1097	Ma Đình Tuấn	04/02/1991	71	Đạt	88	Đạt	Đạt	
970	1098	Hà Mạnh Tuấn	03/06/1987	86	Đạt	95	Đạt	Đạt	
971	1100	Nguyễn Hữu Tuấn	09/11/1982	86	Đạt	92	Đạt	Đạt	
972	1101	Đặng Văn Tuấn	03/07/1990	98	Đạt	95	Đạt	Đạt	
973	1103	Lê Văn Tuấn	04/06/1993	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
974	1104	Vũ Anh Tuấn	15/04/1977	91	Đạt	82	Đạt	Đạt	
975	1105	Trần Huy Tuấn	25/05/1985	83	Đạt	95	Đạt	Đạt	
976	1106	Nguyễn Đức Tuấn	08/03/1993	88	Đạt	80	Đạt	Đạt	
977	1107	Trần Anh Tuấn	04/10/1993	98	Đạt	96	Đạt	Đạt	
978	1108	Đặng Văn Tuấn	11/12/1983	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
979	1109	Nguyễn Quốc Tuấn	01/01/1993	88	Đạt	87	Đạt	Đạt	
980	1110	Lê Anh Tuấn	04/12/1996	87	Đạt	90	Đạt	Đạt	
981	1111	Phạm Văn Tuấn	14/03/1996	93	Đạt	85	Đạt	Đạt	
982	1113	Nguyễn Văn Tuấn	03/10/1981	79	Đạt	85	Đạt	Đạt	
983	1114	Lê Thanh Tuấn	09/09/1984	89	Đạt	88	Đạt	Đạt	
984	1116	Mai Lê Sơn Tùng	06/07/1988	88	Đạt	88	Đạt	Đạt	
985	1117	Phạm Thanh Tùng	01/10/1988	95	Đạt	87	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
986	1118	Nguyễn Thanh Tùng	20/08/1978	88	Đạt	93	Đạt	Đạt	
987	1119	Đặng Thanh Tùng	10/01/1989	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
988	1120	Triệu Ngọc Tùng	03/03/1979	81	Đạt	93	Đạt	Đạt	
989	1121	Giang Thiên Tùng	05/04/1989	97	Đạt	99	Đạt	Đạt	
990	1123	Nguyễn Duy Tùng	20/03/1999	96	Đạt	100	Đạt	Đạt	
991	1125	Lưu Đức Hoàng Tùng	15/08/1993	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
992	1126	Chu Văn Tùng	06/11/1987	80	Đạt	86	Đạt	Đạt	
993	1127	Nguyễn Thanh Tùng	15/12/1992	94	Đạt	93	Đạt	Đạt	
994	1128	Vi Thanh Tùng	11/11/2003	86	Đạt	89	Đạt	Đạt	
995	1129	Nguyễn Khánh Tùng	13/07/1984	96	Đạt	96	Đạt	Đạt	
996	1131	Đỗ Thanh Tùng	05/12/1982	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
997	1132	Nguyễn Quốc Tường	11/04/1997	92	Đạt	95	Đạt	Đạt	
998	1133	Lê Công Tường	22/02/1985	96	Đạt	91	Đạt	Đạt	
999	1134	Hoàng Văn Tuyên	18/08/1995	86	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1000	1135	Cao Như Tuyên	10/09/1998	82	Đạt	88	Đạt	Đạt	
1001	1136	Nguyễn Thị Tuyền	19/01/1983	92	Đạt	93	Đạt	Đạt	
1002	1137	Nguyễn Đình Tuyền	05/04/1984	95	Đạt	90	Đạt	Đạt	
1003	1138	Ngô Văn Tuyền	09/09/1991	88	Đạt	90	Đạt	Đạt	
1004	1139	Đinh Công Tuyền	04/01/1994	92	Đạt	85	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1005	1140	Trịnh Thị Tuyền	13/03/1989	91	Đạt	88	Đạt	Đạt	
1006	1141	Lê Khả Tuyền	26/10/1986	91	Đạt	86	Đạt	Đạt	
1007	1144	Đinh Thị Tuyết	05/09/1994	75	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1008	1145	Vũ Thị Tuyết	17/10/ 1992	92	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1009	1146	Nguyễn Thị Tuyết	13/11/1988	80	Đạt	85	Đạt	Đạt	
1010	1147	Lê Thị Ngọc Tuyết	21/07/1976	99	Đạt	97	Đạt	Đạt	
1011	1149	Trịnh Thu Uyên	05/04/2000	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
1012	1150	Ngô Phương Uyên	18/05/1998	76	Đạt	96	Đạt	Đạt	
1013	1151	Trần Thị Thu Uyên	01/08/1998	83	Đạt	96	Đạt	Đạt	
1014	1152	Vũ Thị Uyên	22/04/1983	84	Đạt	90	Đạt	Đạt	
1015	1153	Lưu Thị Uyên	04/06/1993	83	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1016	1154	Vũ Thị Vân	02/04/1988	91	Đạt	93	Đạt	Đạt	
1017	1155	Nguyễn Thị Vân	07/06/1987	92	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1018	1156	Vũ Phạm Cẩm Vân	31/07/1985	95	Đạt	99	Đạt	Đạt	
1019	1157	Trần Thị Vân	09/07/1989	94	Đạt	93	Đạt	Đạt	
1020	1158	Lê Thị Vân	26/08/1990	76	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1021	1159	Đoàn Thị Vân	15/10/1989	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1022	1161	Bùi Hồng Vân	24/02/1988	94	Đạt	87	Đạt	Đạt	
1023	1162	Nguyễn Trung Văn	15/10/1992	92	Đạt	98	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1024	1163	Dương Hữu Văn	21/06/1989	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1025	1165	Trần Thị Viên	20/06/1997	98	Đạt	98	Đạt	Đạt	
1026	1166	Trần Quốc Việt	26/03/1993	84	Đạt	81	Đạt	Đạt	
1027	1167	Phương Minh Việt	08/08/1993	96	Đạt	99	Đạt	Đạt	
1028	1168	Trần Xuân Việt	12/02/1986	85	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1029	1169	Vũ Văn Việt	12/12/1990	98	Đạt	97	Đạt	Đạt	
1030	1170	Bùi Văn Việt	22/08/2000	86	Đạt	85	Đạt	Đạt	
1031	1171	Cao Tiến Việt	25/09/1986	97	Đạt	97	Đạt	Đạt	
1032	1173	Phạm Đình Vinh	09/10/1991	95	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1033	1175	Dương Thị Vinh	12/01/1986	96	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1034	1176	Nông Văn Vũ	21/06/1990	71	Đạt	76	Đạt	Đạt	
1035	1177	Bùi Văn Vũ	01/01/1995	94	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1036	1178	Bùi Thị Vui	08/08/1990	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1037	1179	Nguyễn Minh Vương	25/01/1988	92	Đạt	93	Đạt	Đạt	
1038	1180	Lê Triệu Vy	17/12/2003	85	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1039	1181	Trần Thảo Vy	14/02/2003	99	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1040	1182	Từ Văn Vỹ	31/07/1977	95	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1041	1183	Lộc Thị Xoan	18/02/1993	93	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1042	1185	Nguyễn Thị Thanh Xuân	14/02/1983	92	Đạt	95	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1043	1186	Nguyễn Thị Xuyên	02/04/1981	80	Đạt	82	Đạt	Đạt	
1044	1187	Mai Thị Xuyên	06/03/1984	93	Đạt	91	Đạt	Đạt	
1045	1188	Nguyễn Thị Hà Xuyên	29/03/1990	92	Đạt	100	Đạt	Đạt	
1046	1189	Bùi Thị Yến	24/07/2004	91	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1047	1190	Công Thị Hải Yến	06/04/1981	84	Đạt	92	Đạt	Đạt	
1048	1191	An Thị Yến	18/12/1994	92	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1049	1192	Lưu Thị Hải Yến	11/02/1984	86	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1050	1193	Trần Thị Thu Yến	24/01/1982	80	Đạt	88	Đạt	Đạt	
1051	1195	Phạm Thị Hải Yến	01/04/1993	91	Đạt	91	Đạt	Đạt	
1052	1196	Lại Thị Yến	11/04/1989	89	Đạt	99	Đạt	Đạt	
1053	1197	Nguyễn Thị Yến	06/05/1986	96	Đạt	89	Đạt	Đạt	
1054	1199	Nguyễn Thị Hải Yến	30/10/1990	90	Đạt	94	Đạt	Đạt	
1055	1200	Đỗ Thị Thu Yến	21/07/1979	93	Đạt	95	Đạt	Đạt	
1056	1201	Vi Thị Yến	24/02/1988	94	Đạt	91	Đạt	Đạt	
1057	1202	Phạm Hải Yến	21/04/1995	92	Đạt	100	Đạt	Đạt	

II. DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ DƯỚI 70 ĐIỂM (145 người)

1	6	Đỗ Hoàng Anh	25/04/1998	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
2	7	Phùng Mạnh Quý Anh	10/08/2003	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
3	8	Trần Văn Học	16/10/2000	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
4	16	Bùi Thị Lan Anh	28/10/1981	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
5	25	Hoàng Tuấn Anh	24/01/1984					Không thi	
6	26	Phạm Thị Hải Anh	30/10/1981	84	Đạt	67	Không đạt	Không đạt	
7	46	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/10/1988	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
8	68	Mai Thanh Bình	09/09/2002	61	Không đạt	70	Đạt	Không đạt	
9	85	Tạ Văn Chiến	20/12/1976	59	Không đạt	65	Không đạt	Không đạt	
10	98	Phạm Hữu Chuẩn	25/09/1976					Hoãn Thi	
11	101	Nông Thị Chung	24/09/1976	76	Đạt	65	Không đạt	Không đạt	
12	102	Đào Việt Chung	25/01/1998	65	Không đạt	81	Đạt	Không đạt	
13	104	Bùi Văn Chung	04/06/1992					Hoãn Thi	
14	106	Nguyễn Thị Chuyên	13/06/1990	63	Không đạt	78	Đạt	Không đạt	
15	112	Nguyễn Thành Công	13/01/1997	65	Không đạt	83	Đạt	Không đạt	
16	113	Phạm Hữu Công	23/10/1984					Không thi	
17	117	Trịnh Văn Cường	17/07/1977	0	Không đạt	93	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
18	130	Dương Ngọc Cường	02/07/1988	38	Không đạt	67	Không đạt	Không đạt	
19	131	Vũ Đức Cường	29/01/1985	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
20	141	Ngô Quốc Đạt	20/09/1980	0	Không đạt	84	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
21	155	Lê Văn Đoàn	08/03/2002	91	Đạt	66	Không đạt	Không đạt	
22	157	Ngô Thị Doanh	23/06/1986					Không thi	
23	172	Phùng Xuân Minh Đức	04/11/1998	61	Không đạt	73	Đạt	Không đạt	
24	197	Đỗ Quang Dũng	17/01/1985	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
25	214	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/08/2003					Không thi	
26	218	Bùi Hồng Dương	11/08/1980					Hoãn Thi	
27	238	Nguyễn Văn Giang	24/10/1982	69	Không đạt	76	Đạt	Không đạt	
28	244	Hoàng Văn Giang	08/10/1988					Không thi	
29	245	Nguyễn Văn Giang	13/02/1985					Hoãn Thi	
30	246	Lý Hai Gơ	23/08/1982					Hoãn Thi	
31	249	Nguyễn Thị Thu Hà	22/08/1983					Không thi	
32	261	Hoàng Văn Hà	28/08/1989					Không thi	
33	271	Nguyễn Thu Hà	26/06/2003	56	Không đạt	78	Đạt	Không đạt	
34	273	Bùi Thị Hải	17/08/1996	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
35	280	Ma Thanh Hải	07/07/1986	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
36	286	Nguyễn Xuân Hải	25/07/1973	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
37	326	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/03/1989	68	Không đạt	93	Đạt	Không đạt	
38	328	Trần Thu Hiền	12/09/1991					Hoãn Thi	
39	330	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17/06/1999	62	Không đạt	86	Đạt	Không đạt	
40	331	Nguyễn Thị Thúy Hiền	09/05/1978					Không thi	
41	337	Nguyễn Phương Hiền	19/12/1996	49	Không đạt	63	Không đạt	Không đạt	
42	341	Nguyễn Duy Hiệp	23/10/1981	69	Không đạt	89	Đạt	Không đạt	
43	345	Trần Văn Hiếu	08/02/1999	63	Không đạt	82	Đạt	Không đạt	
44	357	Dương Trọng Hiếu	25/04/2000	58	Không đạt	78	Đạt	Không đạt	
45	359	Trịnh Thị Thanh Hiếu	06/03/1991					Không thi	
46	364	Lê Thị Hoa	02/05/1985	87	Đạt	59	Không đạt	Không đạt	
47	366	Đặng Thị Hoa	22/06/1991	67	Không đạt	83	Đạt	Không đạt	
48	369	Lưu Thị Hoa	20/03/1990	69	Không đạt	77	Đạt	Không đạt	
49	373	Triệu Thị Hoa	06/12/1988	63	Không đạt	83	Đạt	Không đạt	
50	377	Nguyễn Duy Hoà	09/02/1981					Không thi	
51	379	Nguyễn Thị Hòa	30/03/1981	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
52	380	Nguyễn Thị Thúy Hòa	26/03/1985	62	Không đạt	69	Không đạt	Không đạt	
53	389	Lý Văn Hoàn	24/11/1987					Không thi	
54	395	Nguyễn Văn Hoàng	18/06/2004	46	Không đạt	60	Không đạt	Không đạt	
55	396	Nguyễn Hoàng	21/09/1984	44	Không đạt	66	Không đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
56	402	Lê Văn Hoi	15/08/1983	63	Không đạt	69	Không đạt	Không đạt	
57	417	Trần Thị Huế	10/10/1990					Không thi	
58	422	Hà Bùi Huệ	17/02/1979	65	Không đạt	78	Đạt	Không đạt	
59	423	Nguyễn Thị Huệ	20/08/1993					Không thi	
60	425	Nguyễn Mạnh Hùng	01/02/1993					Hoàn thi	
61	447	Nguyễn Trung Hưng	19/08/1987	68	Không đạt	88	Đạt	Không đạt	
62	450	Vũ Văn Hưng	03/10/1982					Không thi	
63	465	Nguyễn Thị Hương	10/06/1987	56	Không đạt	60	Không đạt	Không đạt	
64	466	Nguyễn Thị Hương	23/12/1995	57	Không đạt	58	Không đạt	Không đạt	
65	467	Lương Thị Hương	05/05/1985	61	Không đạt	63	Không đạt	Không đạt	
66	473	Nguyễn Thị Thu Hương	10/08/1980	60	Không đạt	79	Đạt	Không đạt	
67	481	Tạ Thị Hương	23/10/1972	69	Không đạt	79	Đạt	Không đạt	
68	482	Phạm Thị Hường	24/05/1985	63	Không đạt	81	Đạt	Không đạt	
69	485	Hoàng Thị Hữu	06/06/1984	65	Không đạt	89	Đạt	Không đạt	
70	496	Lê Thị Thanh Huyền	23/05/1984	0	Không đạt	78	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
71	501	Bạch Thị Huyền	01/07/1980	68	Không đạt	60	Không đạt	Không đạt	
72	524	Nguyễn Văn Khang	27/10/1988	0	Không đạt	71	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
73	527	Dương Ngọc Khánh	10/11/1992	0	Không đạt	98	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
74	530	Trần Duy Khánh	25/01/1989	0	Không đạt	96	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
75	534	Vũ Ngọc Khánh	07/09/2002					Không thi	
76	536	Đào Quang Khoa	11/03/1984	59	Không đạt	96	Đạt	Không đạt	
77	539	Nguyễn Đăng Khoa	14/10/1987	45	Không đạt	86	Đạt	Không đạt	
78	540	Nguyễn Văn Khoa	09/07/1985	64	Không đạt	69	Không đạt	Không đạt	
79	544	Nguyễn Văn Kiên	01/10/1983	63	Không đạt	96	Đạt	Không đạt	
80	548	Đỗ Trung Kiên	14/07/2000	66	Không đạt	77	Đạt	Không thi	
81	554	Nguyễn Tùng Lâm	18/10/1989	62	Không đạt	94	Đạt	Không đạt	
82	556	Trần Đức Quỳnh Lâm	31/03/1982					Không thi	
83	563	Hoàng Thị Minh Lân	25/08/1980	59	Không đạt	97	Đạt	Không đạt	
84	564	Lê Quang Lanh	27/03/1971	55	Không đạt	66	Không đạt	Không đạt	
85	566	Vũ Đỗ Lập	10/12/1997	69	Không đạt	83	Đạt	Không đạt	
86	570	Nguyễn Thị Chương Liên	26/05/1986	67	Không đạt	87	Đạt	Không đạt	
87	573	Nguyễn Bích Liên	28/02/1985					Không thi	
88	601	Lê Thị Nga Linh	02/03/1999					Không thi	
89	630	Đỗ Xuân Lượng	30/03/1970	68	Không đạt	65	Không đạt	Không đạt	
90	647	Nguyễn Tiến Mạnh	11/04/1979	63	Không đạt	79	Đạt	Không đạt	
91	649	Phạm Văn Mạnh	25/03/1993					Không thi	
92	672	Phạm Thị Mỹ	28/08/1983	68	Không đạt	87	Đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
93	673	Nguyễn Thanh Nam	07/04/1987					Không thi	
94	702	Nguyễn Thị Ngà	05/07/1979	55	Không đạt	88	Đạt	Không đạt	
95	735	Nguyễn Thu Nguyệt	09/08/1972	65	Không đạt	84	Đạt	Không đạt	
96	744	Bùi Minh Nhật	10/10/2003	68	Không đạt	85	Đạt	Không đạt	
97	783	Nguyễn Danh Phương	1'0/09/1985	56	Không đạt	81	Đạt	Không đạt	
98	785	Dương Thị Minh Phương	28/03/1982					Không thi	
99	795	Dương Thị Minh Phương	17/07/1977					Hoãn thi	
100	802	Nguyễn Thị Phụng	17/04/1979	69	Không đạt	70	Đạt	Không đạt	
101	807	Đào Minh Quân	12/09/1998					Không thi	
102	816	Nguyễn Hồng Quang	17/06/1992					Không thi	
103	818	Vũ Trọng Quốc	30/04/1987					Không thi	
104	823	Triệu Càn Quyên	06/05/1992	56	Không đạt	75	Đạt	Không đạt	
105	825	Lê Văn Quyền	11/09/1988	55	Không đạt	82	Đạt	Không đạt	
106	839	Nguyễn Quang Sáng	06/01/1998	62	Không đạt	89	Đạt	Không đạt	
107	844	Nguyễn Văn Sơn	02/07/1984	68	Không đạt	75	Đạt	Không đạt	
108	872	Vũ Xuân Thái	10/07/1989					Hoãn thi	
109	899	Nguyễn Thế Thanh	26/11/1981	0	Không đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
110	900	Nguyễn Văn Thành	14/11/1998	88	Đạt	0	Không đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
111	904	Đàm Quang Thành	18/05/1977					Không thi	
112	932	Hoàng Văn Thích	28/05/1983	79	Đạt	69	Không đạt	Không đạt	
113	938	Lê Thị Tho	20/07/1987	79	Đạt	67	Không đạt	Không đạt	
114	965	Đặng Danh Thuận	14/10/2006					Không thi	
115	996	Nguyễn Thị Thủy	20/05/1995					Hoàn thi	
116	997	Nguyễn Thị Thủy	27/07/1981	0	Không đạt	85	Đạt	Không đạt	Vi phạm quy chế thi
117	1052	Cao Thị Thu Trang	26/08/1989	53	Không đạt	74	Đạt	Không đạt	
118	1057	Lê Thị Việt Trinh	10/01/2003					Không thi	
119	1062	Đào Trọng Trọng	12/02/1982	90	Đạt	69	Không đạt	Không đạt	
120	1069	Nguyễn Hải Trung	20/12/1971	62	Không đạt	92	Đạt	Không đạt	
121	1074	Nguyễn Quốc Trường	09/01/1990					Không thi	
122	1076	Vũ Xuân Trường	13/04/1997	68	Không đạt	85	Đạt	Không đạt	
123	1079	Đàm Thế Trường	21/01/1986					Không thi	
124	1080	Nguyễn Văn Trường	22/03/1990	55	Không đạt	69	Không đạt	Không đạt	
125	1084	Vũ Văn Tú	10/07/1974	46	Không đạt	53	Không đạt	Không đạt	
126	1088	Dương Đức Tú	20/12/1981	45	Không đạt	66	Không đạt	Không đạt	
127	1091	Nguyễn Đình Tứ	23/12/1990					Không thi	
128	1095	Lưu Anh Tuấn	31/10/2002					Không thi	
129	1099	Nguyễn Anh Tuấn	07/07/1986	66	Không đạt	87	Đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Kiến thức Cơ sở		Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
130	1102	Nguyễn Đình Tuấn	25/08/1994					Không thi	
131	1112	Nguyễn Trọng Tuấn	18/12/1990					Hoãn thi	
132	1115	Phạm Thị Tuất	03/01/1995	32	Không đạt	80	Đạt	Không đạt	
133	1122	Phạm Văn Tùng	09/04/1976	84	Đạt	67	Không đạt	Không đạt	
134	1124	Nguyễn Duy Tùng	15/07/1988	67	Không đạt	73	Đạt	Không đạt	
135	1130	Lê Xuân Tùng	15/07/1979					Hoãn thi	
136	1142	Vũ Thạch Tuyển	27/02/1991					Không thi	
137	1143	Đặng Thị Tuyết	15/07/1996					Không thi	
138	1148	Hoàng Thị Tuyết	08/09/1987	59	Không đạt	76	Đạt	Không đạt	
139	1160	Vũ Thị Vân	01/12/1987					Hoãn thi	
140	1164	Nguyễn Văn Vang	26/07/1970	55	Không đạt	75	Đạt	Không đạt	
141	1172	Nguyễn Văn Việt	17/07/1993	64	Không đạt	65	Không đạt	Không đạt	
142	1174	Lê Văn Vinh	12/07/1992	77	Đạt	63	Không đạt	Không đạt	
143	1184	Đỗ Thị Xuân	04/11/1983	69	Không đạt	75	Đạt	Không đạt	
144	1194	Nguyễn Thị Yến	15/01/1985	68	Không đạt	79	Đạt	Không đạt	
145	1198	Phạm Thị Yến	03/03/1993	68	Không đạt	68	Không đạt	Không đạt	